

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/CBTT.NSS

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai**

- Mã chứng khoán: **NSS**

- Địa chỉ: 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại liên hệ: 0251 3899790

Fax: 0251 3899102

- E-mail: dolicomail@dolicovn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/4/2026 tại đường dẫn <https://dolicovn.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Ngọc Mến



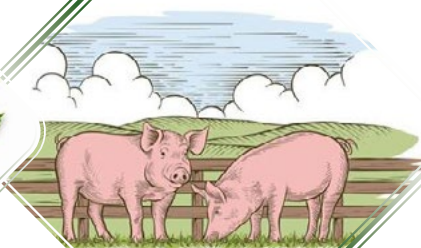
CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

DOLICO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2025



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 03 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 04 Định hướng phát triển
- 05 Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức và nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 06 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 01
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty 02
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 03

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị 01
- Ban kiểm soát 02
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát 03

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

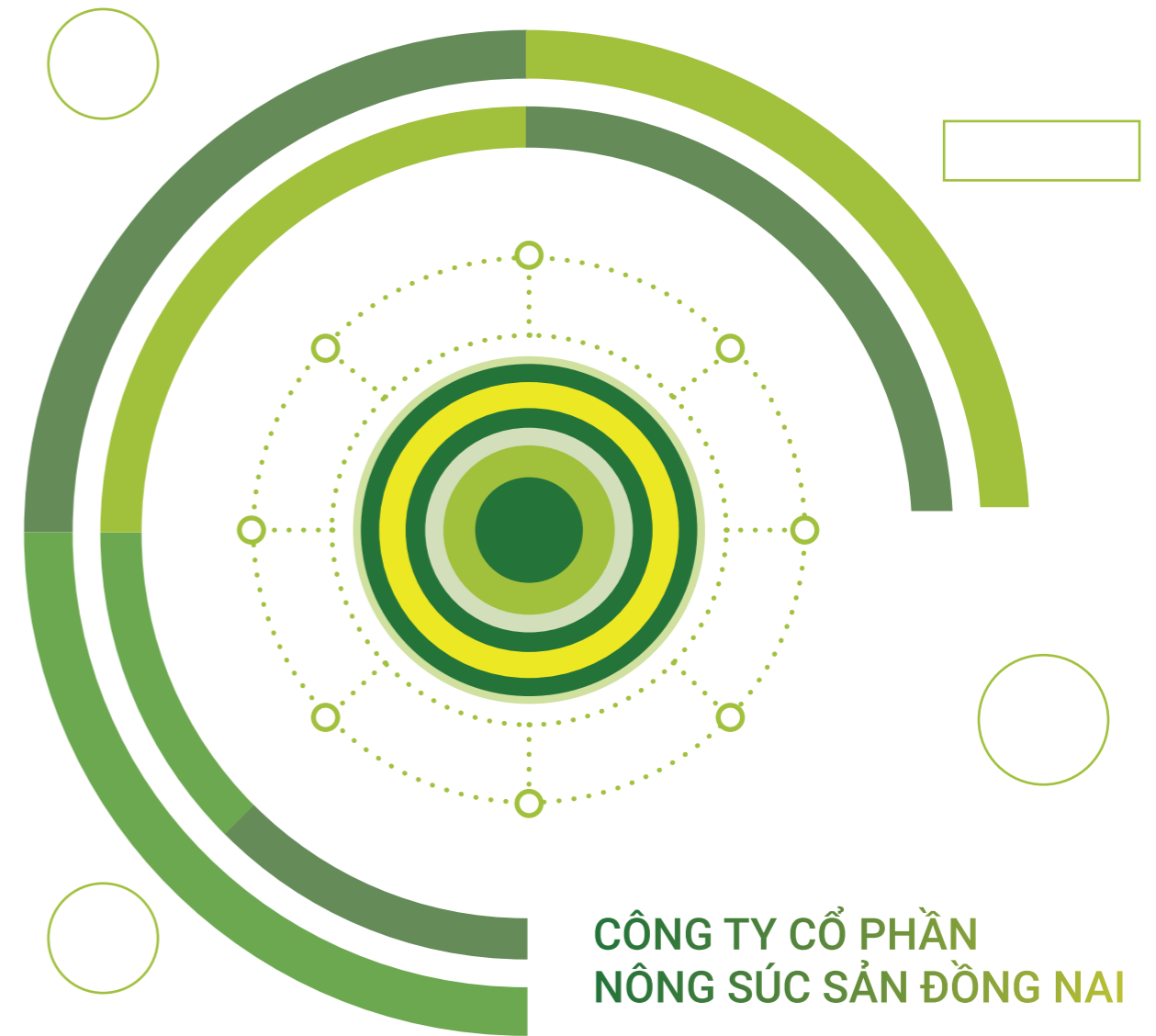
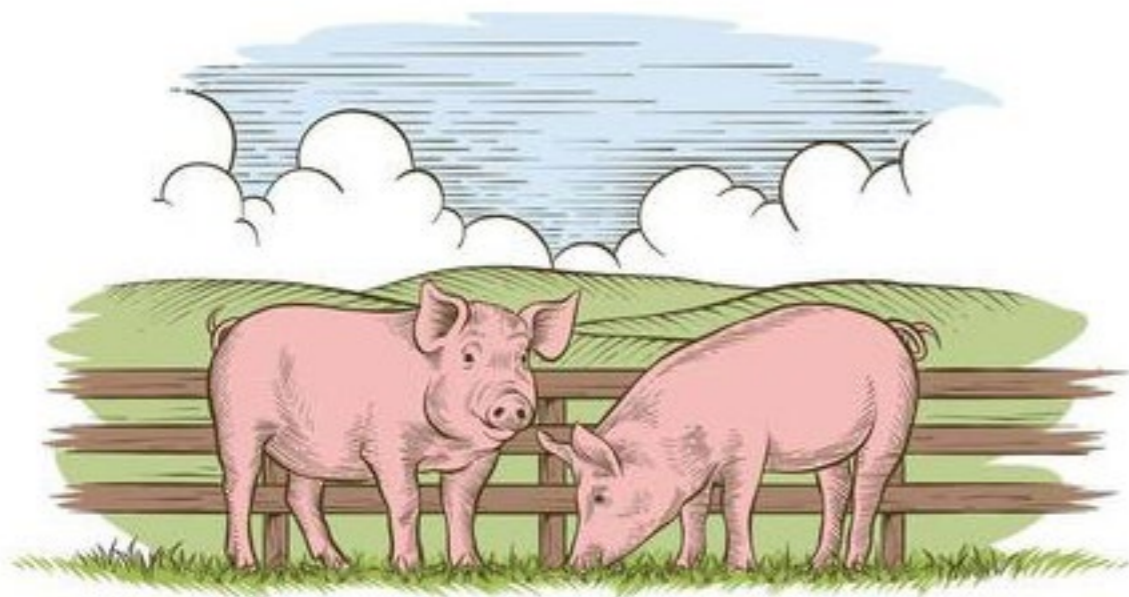
- Ý kiến kiểm toán 01
- Báo cáo tài chính được kiểm toán 02



01

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 03 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 04 Định hướng phát triển
- 05 Các rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY BẰNG TIẾNG VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN ĐỒNG NAI

Tên tiếng Anh

DONG NAI AGRICULTURAL LIVESTOCK PRODUCT JOINT – STOCK COMPANY

Tên viết tắt

DOLICO

Mã chứng khoán

NSS (UPCOM)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 05/01/2024.

Vốn điều lệ

102.639.420.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

102.639.420.000 đồng

Mã cổ phiếu

NSS

Địa chỉ

Số 238, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại

(0251) 3899790

Email

dolicomail@dolicovn.com

Số fax

(0251) 3899102

Website

www.dolicovn.com



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

02/1978: Tiền thân của Công ty là Công ty Chăn nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai.

11/1992: Thực hiện theo chính sách đổi mới và chuyển đổi sang mô hình kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2116/QĐ/UBT ngày 19/11/1992 để thành lập lại các doanh nghiệp nhà nước, trong đó có Công ty Chăn nuôi Đồng Nai.

03/2004: Căn cứ Công văn số 1710/CV-UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Công văn số 1710/ CV-UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hóa và chuyển đổi thành doanh nghiệp nhà nước năm 2004.

02/2005: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định số 761/QĐ-CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần hóa đã được phê duyệt và đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

08/2005: Ngày 29/08/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000629 cho Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ là 56.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (bao gồm SLCP do Nhà nước tiếp tục nắm giữ) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng.

2010: Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 nâng vốn góp công ty lên 68.426.280.000 đồng.

11/2016: Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty mở rộng quy mô vốn lên 102.639.420.000 đồng.

07/2018: Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018. Đồng thời, Công ty thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã chứng khoán là NSS.

10/2018: Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên: 30/10/2018, giá tham chiếu là 26.800 đồng/cổ phiếu.

Đến nay: Công ty nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất – kinh doanh và không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động được ĐHCĐ giao phó cũng như nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách nhà nước.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu gồm:

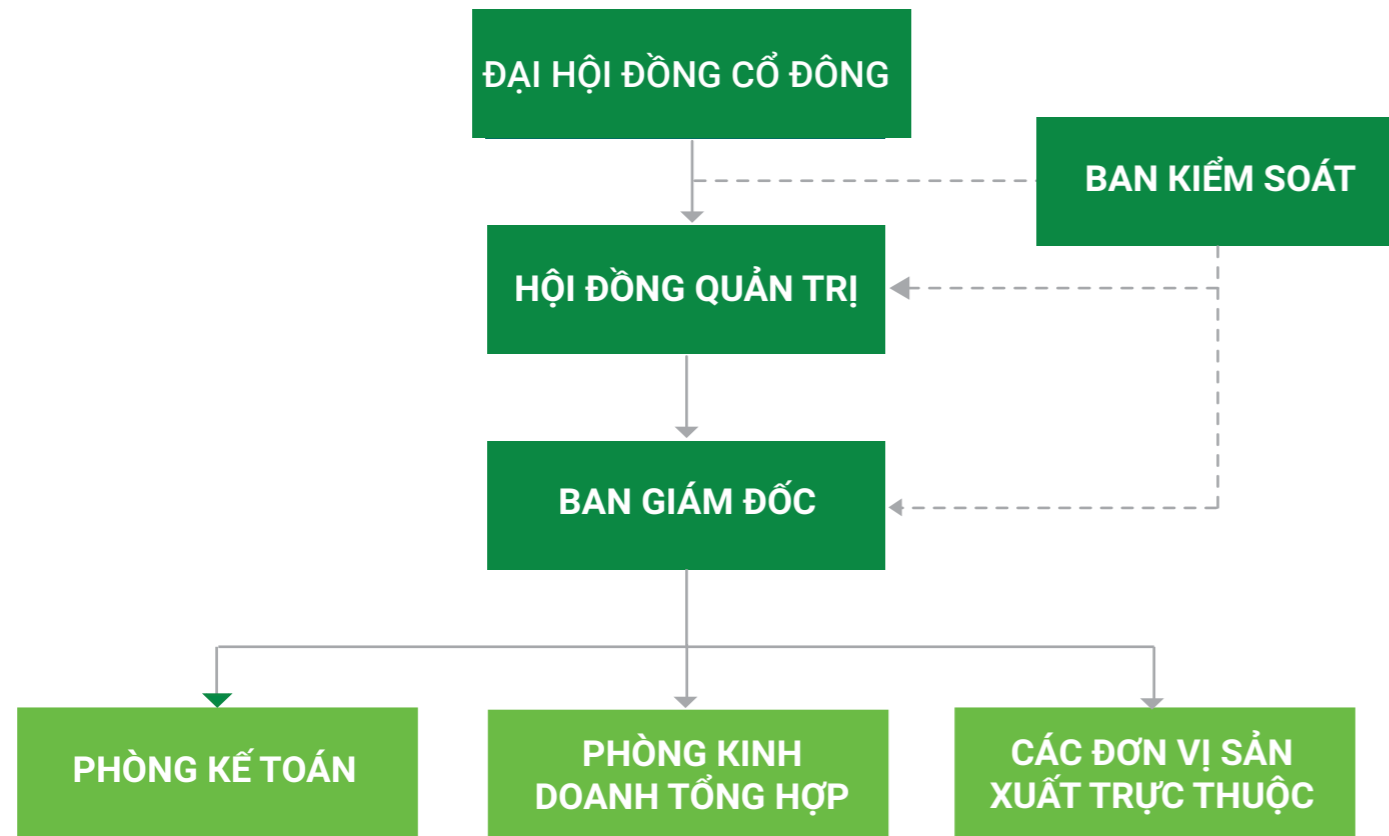
STT	Tên ngành
1	Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
2	Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
3	Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
4	Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
5	Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
6	Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
7	Sản xuất thức ăn gia súc;
8	Chế biến rau, củ, quả;
9	Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhớt (theo quy hoạch của tỉnh);
10	Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
11	Xây dựng địa ốc;
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng;
13	Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
14	Bán buôn xe gắn máy;
15	Bán buôn xe ô tô (du lịch, xe tải);
16	Bán lẻ xe ô tô (du lịch, xe tải);
17	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
18	Trồng rừng và chăm sóc rừng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



TRẠI HEO DOLICO XUÂN THÀNH

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp Tân Hợp, Xã Xuân Thành, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi heo



TRẠI HEO DOLICO SUỐI CAO

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp Phượng Vĩ, Xã Xuân Thành, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi heo



TRUNG TÂM CHĂN NUÔI HEO GIỐNG CAO SẢN TÂN AN

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi heo



XƯỞNG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 238, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến thức ăn gia súc

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty và các quyền khác quy định tại Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Ban kiểm soát (BKS): Chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành công ty theo đúng quy định. BKS đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ, của HĐQT Công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc: Điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm điều hành Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Về sản phẩm: Duy trì chất lượng đàn heo thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc con giống và thức ăn chăn nuôi. Đảm bảo sản phẩm heo thịt xuất bán đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thú y và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Về quy mô và quản trị tài sản:

Duy trì hoạt động sản xuất tại các đơn vị trực thuộc đáp ứng đủ điều kiện chăn nuôi và an toàn dịch bệnh;

Đẩy mạnh công tác thanh lý các tài sản, chuồng trại không còn giá trị sử dụng, hiệu quả thấp hoặc nằm trong diện quy hoạch phải di dời để thu hồi vốn;

Tối ưu hóa việc sử dụng đất và cơ sở hạ tầng hiện có tại trụ sở chính và các chi nhánh thông qua hoạt động cho thuê kho bãi, mặt bằng thương mại, tạo nguồn thu ổn định bổ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Về tổ chức và nhân sự: Sắp xếp bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa cao nhằm phù hợp với quy mô sản xuất; xây dựng chính sách lương thưởng linh hoạt, gắn liền với hiệu suất công việc và mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhằm đảm bảo thu nhập và tạo động lực cho người lao động.

Về tài chính và hiệu quả hoạt động: Ưu tiên hàng đầu là quản trị dòng tiền và bảo toàn vốn, thông qua việc kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí vận hành và giá thành sản xuất; thực hành tiết kiệm, rà soát và cắt giảm tối đa các khoản chi phí không thiết yếu trong khâu quản lý và vận hành.

Về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y: Nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thú y trong chăn nuôi; kiểm soát chặt chẽ quy trình xử lý chất thải để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về sản xuất:

- Thực hiện chiến lược đầu tư theo chiều sâu, tránh dàn trải để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, tập trung nguồn lực để củng cố năng lực sản xuất tại các trại chăn nuôi trọng điểm;

- Chuẩn hóa quy trình chăn nuôi, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và thú y tiên tiến để kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là Dịch tả heo Châu Phi (AFS), nhằm giảm tỷ lệ hao hụt và nâng cao năng suất đàn;

Về quản trị:

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động điều hành, đồng thời sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp với quy mô hoạt động thực tế;

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện các phương án quy hoạch, sử dụng đất đai phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy định pháp luật;

- Nghiên cứu, tìm kiếm các đối tác chiến lược có năng lực tài chính và công nghệ để hợp tác đầu tư, phát triển các dự án chăn nuôi mới theo mô hình hiện đại khi điều kiện cho phép.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TT)

Dolico xác định mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, xã hội và cộng đồng gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường. Các nội dung thực hiện cụ thể bao gồm:

Bảo vệ môi trường và tài nguyên:

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải trong quá trình chăn nuôi, đảm bảo tại các trang trại hoạt động đều vận hành hệ thống xử lý chất thải, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định;
- Áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, điện, nước và nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất nhằm giảm thiểu chi phí và tác động đến môi trường;
- Thực hiện nghiêm chỉnh công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc, hạn chế phát tán mùi hôi, đảm bảo môi trường sống trong lành cho khu vực dân cư lân cận.



Trách nhiệm xã hội và cộng đồng:

- Đối với người lao động, Dolico cam kết đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, phúc lợi và thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ nhân viên;
- Đối với cộng đồng, Dolico tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn tại địa phương;
- Đối với người tiêu dùng, Dolico đảm bảo cung cấp sản phẩm an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Quản trị minh bạch: Duy trì tính minh bạch trong công bố thông tin đối với cổ đông và nhà đầu tư; đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh; xây dựng mối quan hệ hợp tác tin cậy, bền vững với các đối tác và nhà cung cấp.



CÁC RỦI RO



RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành chăn nuôi đang chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt từ các tập đoàn chăn nuôi lớn (FDI và trong nước) với mô hình khép kín quy mô công nghiệp và giá thành sản xuất thấp. Bên cạnh đó, áp lực từ thịt heo nhập khẩu giá rẻ cũng là một yếu tố đáng kể. Với bối cảnh đó, Dolico không cạnh tranh bằng việc mở rộng quy mô ồ ạt mà tập trung vào chiều sâu, thông qua việc tối ưu hóa quy trình chăn nuôi hiện tại để kiểm soát giá thành và chất lượng sản phẩm. Đồng thời, Dolico tận dụng lợi thế thương hiệu lâu năm và sự am hiểu thị trường địa phương để đảm bảo thị phần tiêu thụ ổn định.



RỦI RO DỊCH BỆNH Ở VẬT NUÔI

Ngành chăn nuôi heo luôn tiềm ẩn nguy cơ cao từ các loại dịch bệnh truyền nhiễm như bệnh tai xanh hay lở mồm long móng và đặc biệt là dịch ASF vẫn chưa được kiểm soát triệt để trên diện rộng. Bước sang năm 2026, áp lực dịch bệnh vẫn đè nặng lên ngành chăn nuôi. Mặc dù đã có vaccine ASF, nhưng hiệu quả bảo hộ thực tế trên quy mô lớn vẫn cần sự giám sát chặt chẽ, trong khi các biến chủng virus mới liên tục xuất hiện.

Dịch bệnh bùng phát không chỉ gây thiệt hại trực tiếp đến quy mô đàn heo mà còn làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng chi phí xử lý môi trường. Nhận thức rõ điều này, Dolico luôn đặt công tác an toàn sinh học lên hàng đầu. Công ty duy trì quy trình kiểm soát nghiêm ngặt đối với người và phương tiện ra vào trại, thực hiện vệ sinh sát trùng định kỳ và chủ động nguồn vắc-xin, thuốc thú y chất lượng cao để phòng ngừa đầy đủ cho đàn heo theo đúng quy trình kỹ thuật.



RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ ĐẦU VÀO

Chi phí thức ăn chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm của Công ty. Giá các nguyên liệu chính như ngô, đậu tương, lúa mì... phụ thuộc lớn vào thị trường nông sản thế giới và biến động tỷ giá hối đoái, do đó thường xuyên có những biến động khó lường. Năm 2025, mặc dù giá các nguyên liệu chính trên thị trường nông sản thế giới hạ nhiệt, song tỷ giá USD/VND tăng khoảng 3-3,5% so với thời điểm cuối năm 2024, đồng thời chi phí logistics, cước vận tải và bảo hiểm hàng hải tiếp tục neo cao do bất ổn thương mại và địa chính trị toàn cầu, khiến giá nhập khẩu các nguyên liệu này không giảm tương ứng. Khi giá nguyên liệu tăng cao trong khi giá bán thành phẩm không tăng tương ứng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận của Công ty.



RỦI RO VỀ GIÁ SẢN PHẨM ĐẦU RA

Nhìn chung, thị trường thịt heo Việt Nam có tính chu kỳ và chịu tác động mạnh bởi quy luật cung cầu cũng như thói quen tiêu dùng. Với mô hình kinh doanh hiện tại, Công ty chưa thể hoàn toàn chủ động trong việc định giá do phụ thuộc vào mặt bằng chung của thị trường. Điều này gây khó khăn cho công tác dự báo doanh thu và kế hoạch lợi nhuận của Công ty. Do đó, bên cạnh định hướng chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chiến lược của Dolico là tập trung nâng cao chất lượng đàn heo thương phẩm, đảm bảo tỷ lệ nạc cao, thịt sạch và an toàn để tạo uy tín với các thương lái và đối tác thu mua, qua đó duy trì được mức giá bán tốt nhất có thể ngay cả trong bối cảnh thị trường kém thuận lợi.



RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Với bối cảnh Công ty đang trong giai đoạn thực hiện tái cơ cấu và tinh gọn bộ máy để phù hợp với quy mô sản xuất mới, việc duy trì sự ổn định của đội ngũ nhân sự là một thách thức không nhỏ. Rủi ro thiếu hụt các cán bộ kỹ thuật, thú y lành nghề và nhân sự quản lý am hiểu địa bàn có thể ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành. Nhận thức rõ điều này, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, duy trì mức thu nhập ổn định và các chế độ phúc lợi đầy đủ để người lao động yên tâm công tác. Đồng thời, Công ty thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý dựa trên trình độ chuyên môn, theo hướng tinh gọn, đa nhiệm, đảm bảo bộ máy vận hành thông suốt và hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của đội ngũ kỹ thuật và quản lý nòng cốt.

CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)



RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài các yếu tố trên, hoạt động của Công ty còn có thể chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn hoặc các biến động vĩ mô bất thường... Để hạn chế thiệt hại, Công ty luôn duy trì công tác bảo trì, gia cố cơ sở vật chất, chường trại định kỳ và trang bị đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy. Đồng thời, Công ty xem xét sử dụng các gói bảo hiểm phù hợp để chuyển giao rủi ro tài chính khi cần thiết.



RỦI RO VỀ QUY HOẠCH VÀ PHÁP LÝ

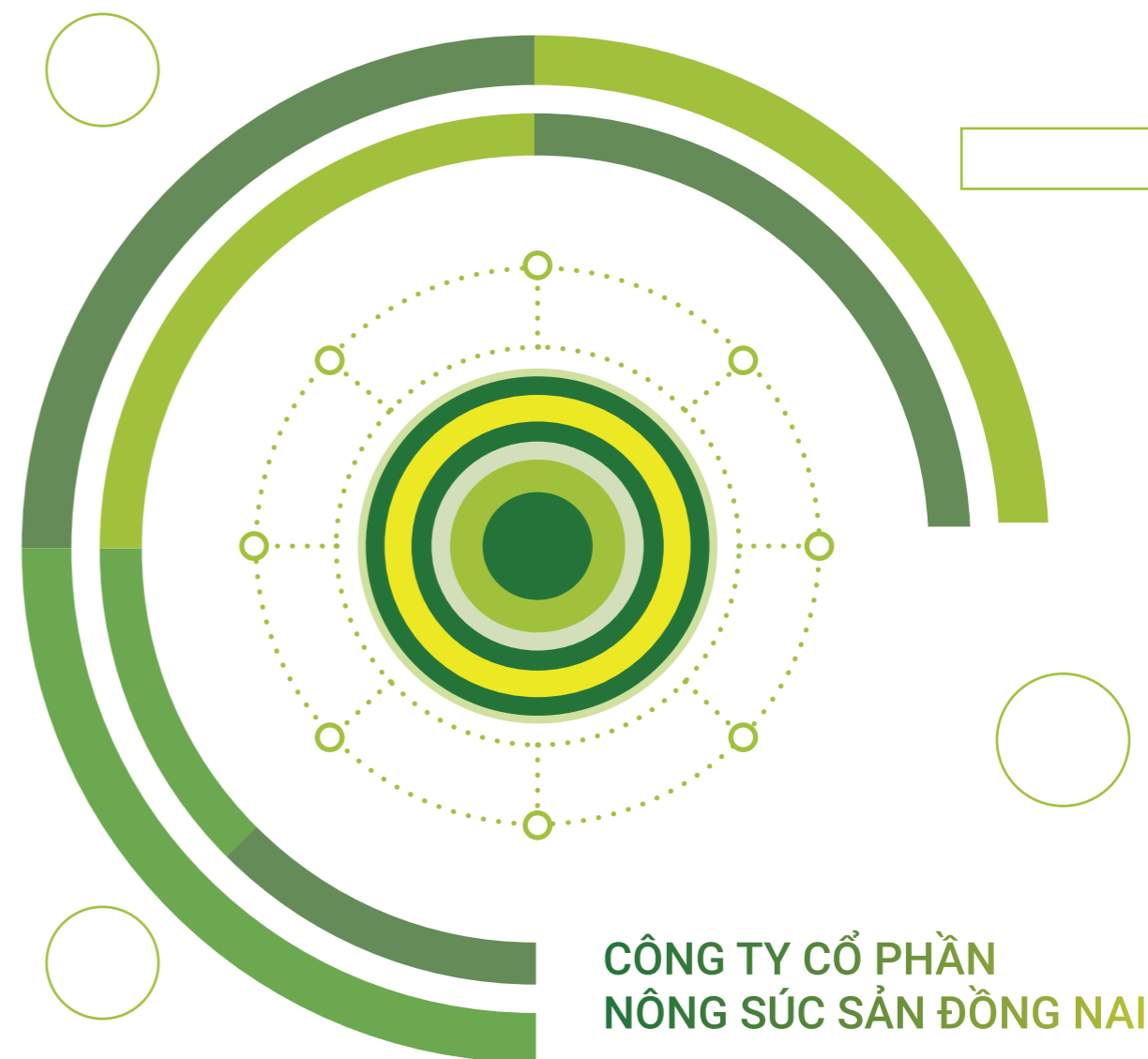
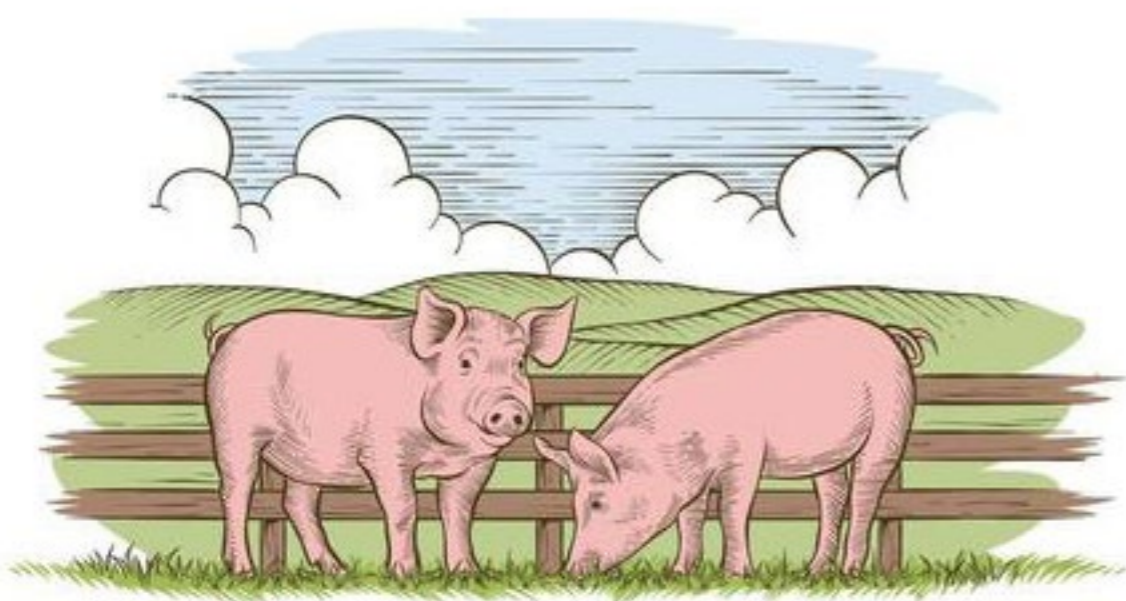
Ngành nghề chính của Công ty là chăn nuôi heo, nên Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều bộ luật chuyên ngành như Luật Chăn nuôi, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thú y và Luật An toàn thực phẩm. Ngoài ra, với tư cách là công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM, Công ty chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thay đổi các quy định pháp luật có thể ảnh hưởng đến công tác quản trị và chi phí tuân thủ. Do đó, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định, đồng thời thường xuyên cập nhật kiến thức pháp lý cho đội ngũ quản trị để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực hiện hành.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức và nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu từ hoạt động chính	101.798	94,57%	70.996	92,51%	69,74%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	5.287	4,91%	5.751	7,49%	108,78%
Thu nhập khác	562	0,52%	0	0,00%	0,00%
Tổng doanh thu	107.647	100,00%	76.747	100,00%	71,30%

Năm 2025, cơ cấu doanh thu của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai ghi nhận sự suy giảm đáng kể về quy mô nhưng không có sự thay đổi lớn về cấu trúc. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 76.747 triệu đồng, giảm 28,7% so với mức 107.647 triệu đồng năm 2024, phản ánh bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực chăn nuôi heo. Trong đó, doanh thu từ hoạt động chính đạt 70.996 triệu đồng, giảm mạnh 30,3%, khiến tỷ trọng đóng góp giảm nhẹ từ 94,57% xuống còn 92,51%. Sự suy giảm này chủ yếu đến từ việc sản lượng chăn nuôi và tiêu thụ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, nguồn cung con giống hạn chế, giá bán heo thịt giảm mạnh trong quý 3 và đầu quý 4, có thời điểm giá heo thịt chỉ còn 48.000 đồng/kg thấp hơn nhiều so với giá thành sản xuất. Ngoài ra, chi phí đầu vào tăng cao, buộc doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoạt động.

Ngược lại, doanh thu hoạt động tài chính đạt 5.751 triệu đồng, tăng 8,78% so với năm trước, qua đó nâng tỷ trọng từ 4,91% lên 7,49% trong tổng doanh thu. Điều này cho thấy trong bối cảnh hoạt động cốt lõi gặp khó khăn, Công ty có xu hướng tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi để gửi tiền và đầu tư tài chính nhằm duy trì dòng thu nhập ổn định. Tuy nhiên, việc gia tăng tỷ trọng doanh thu tài chính cũng phản ánh phần nào sự phụ thuộc ngày càng lớn vào nguồn thu ngoài hoạt động chính, thay vì cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh.



TỔNG DOANH THU
(Triệu đồng)
70.996

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2025	TH 2025	TH 2025 / KH 2025
Sản lượng (heo thịt)	Tấn	1.140	1.226	107,54
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	70.120	76.747	109,45
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.000	756	37,80
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	1.600	570	35,63
Phát sinh nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	2.808	3.125	111,31

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2025, Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai đánh giá rằng mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn do bối cảnh chung của ngành chăn nuôi, Công ty vẫn đạt được một số kết quả tích cực về quy mô. Cụ thể, sản lượng heo thịt đạt 1.226 tấn, vượt 7,54% kế hoạch; qua đó giúp tổng doanh thu đạt 76.747 triệu đồng, vượt 9,45% kế hoạch đề ra. Kết quả này phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc duy trì ổn định đàn vật nuôi, đảm bảo nguồn cung và tận dụng cơ hội thị trường để gia tăng sản lượng tiêu thụ trong điều kiện dịch bệnh vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tuy nhiên, Công ty cũng thẳng thắn nhìn nhận hiệu quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng khi lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 756 triệu đồng, tương đương 37,8% kế hoạch, và lợi nhuận sau thuế đạt 570 triệu đồng, tương đương 35,63% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc chi phí thực tế phát sinh cao hơn đáng kể so với dự kiến, đặc biệt là chi phí con giống, thức ăn chăn nuôi và chi phí phòng chống dịch bệnh trong bối cảnh dịch tả heo châu Phi diễn biến phức tạp. Ngoài ra, giá bán heo thịt giảm mạnh trong quý 3 và đầu quý 4, có thời điểm giá heo thịt chỉ còn 48.000 đồng/kg thấp hơn nhiều so với giá thành sản xuất; Bên cạnh đó, việc đảm bảo an toàn sinh học và duy trì đàn trong điều kiện nguồn cung giống hạn chế cũng làm gia tăng chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận.

Mặc dù lợi nhuận chưa đạt kế hoạch, Công ty vẫn hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước khi nộp ngân sách đạt 3.125 triệu đồng, vượt 11,31% kế hoạch, đồng thời duy trì được hoạt động sản xuất ổn định và giữ vững nền tảng tài chính. Trong bối cảnh ngành chăn nuôi còn nhiều biến động, Công ty xác định việc duy trì sản lượng, ổn định hệ thống chăn nuôi và kiểm soát rủi ro dịch bệnh là ưu tiên trọng tâm trong năm qua. Đây cũng là cơ sở quan trọng để Công ty từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và nâng cao chất lượng lợi nhuận trong các giai đoạn tiếp theo khi điều kiện thị trường thuận lợi hơn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Ông Đinh Ngọc Mến	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	3.000.000	29,22%	3.400	0,03%
2	Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc kỹ thuật	-	-	1.300	0,013%
3	Hoàng Ngọc Long	Kế toán trưởng	-	-	1.200	0,01%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Trần Minh Phương	Phó Giám đốc		01/01/2025

ÔNG ĐINH NGỌC MẾN - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

Ngày sinh	09/01/1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

04/2004 - 09/2005	Thủ kho tại Công ty Chăn nuôi Đồng Nai
10/2005 - 10/2010	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
10/2010 - 05/2016	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
06/2016 - 04/2019	Trưởng BKS tại Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
04/2019 - 16/06/2023	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
04/2019 - 01/01/2024	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
10/07/2023 - 01/01/2024	Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
01/01/2024 - nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
19/02/2024 - nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

ÔNG NGUYỄN SỸ SINH - THÀNH VIÊN HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Ngày sinh	25/09/1972
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thú y
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2001 - 2003	Công nhân kỹ thuật trại heo Vĩnh Cửu
2003 - 2006	Kỹ thuật trạm thụ tinh ở Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
2006 - 2010	Làm kỹ thuật tại trại heo Dolico Tân An
2010 - 2017	Làm Quản đốc trại heo Dolico Suối Cao
2017 - 2023	Làm Quản đốc tại trại heo Dolico Tân An
06/2023 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
01/2024 - nay	Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

ÔNG HOÀNG NGỌC LONG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh	14/09/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2004 - 2012	Nhân viên phòng kinh doanh
2012 - 2014	Nhân viên xưởng chế biến thức ăn gia súc
2015 - 2019	Nhân viên phòng kế toán
2019 - 2023	Trưởng Ban Kiểm Soát
02/01/2024 - 30/09/2024	Kế toán trưởng - Người phụ trách QTCT của Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
02/01/2024 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

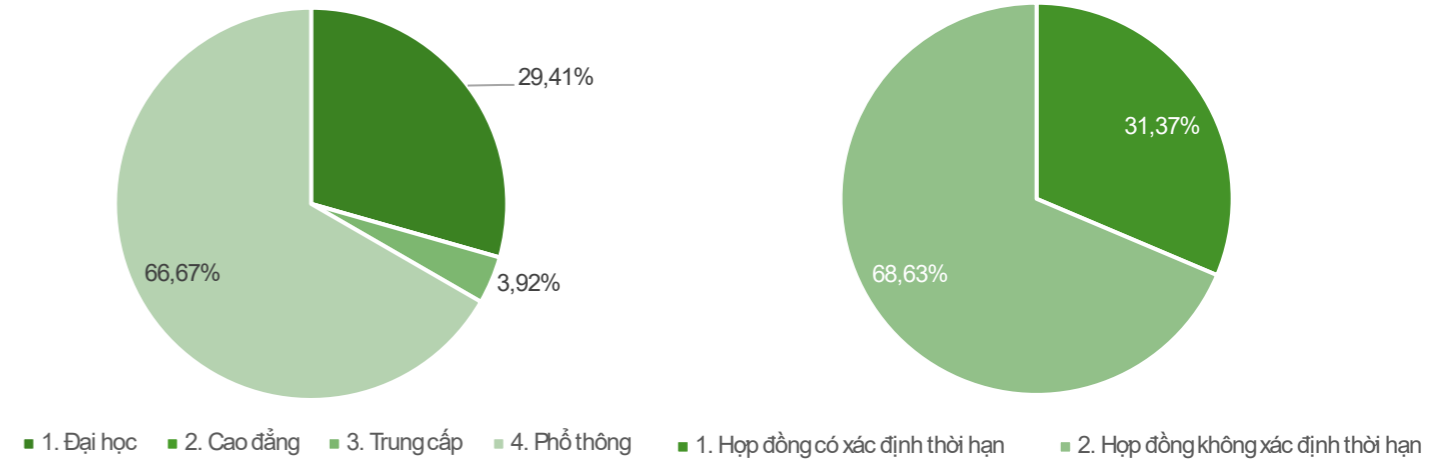
Tại thời điểm 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	51	100%
1	Đại học	15	29,41
2	Cao đẳng	-	-
3	Trung cấp	2	3,92
4	Phổ thông	34	66,67
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	51	-
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	16	31,37
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	35	68,63

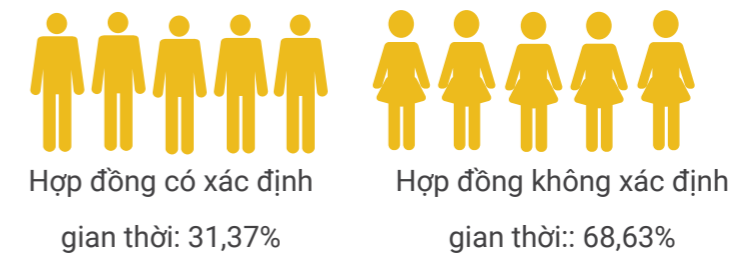
THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	123	113	56	45
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	14.500.000	14.700.000	13.450.000	13.166.000

Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Tổng số lượng người lao động

51

người

Thu nhập bình quân

13.166.000

đồng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



VỀ ĐÀO TẠO

Nhận thức sâu sắc rằng việc đầu tư vào tri thức sẽ mang lại giá trị dài hạn, Dolico luôn duy trì chính sách cụ thể và toàn diện tập trung vào công tác đào tạo, phát triển nguồn lực. Điều này không chỉ giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp mà còn giúp Công ty có được đội ngũ nhân sự chất lượng cao, sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi thách thức. Ngay tại các trang trại, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình huấn luyện nghiệp vụ, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và quy trình an toàn sinh học theo tính chất công việc của từng bộ phận, giúp đội ngũ cập nhật kiến thức mới nhất, đặc biệt là trong công tác phòng chống dịch bệnh, từ đó nâng cao năng suất và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, Dolico khuyến khích văn hóa học hỏi lẫn nhau và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình làm việc, nhằm tăng cường sự gắn kết và thúc đẩy sự phát triển cá nhân toàn diện cho mỗi thành viên.



MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Dolico chú trọng kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ cương nhưng vẫn đảm bảo tính năng động và gắn kết. Khi gia nhập Công ty, nhân sự mới được hướng dẫn kỹ lưỡng để nhanh chóng thích nghi với văn hóa doanh nghiệp, nắm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình. Công ty luôn có chính sách quản lý nhân sự công bằng, khuyến khích sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các bộ phận để nâng cao hiệu quả và năng suất lao động. Dolico cam kết duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, nơi mỗi cá nhân đều có cơ hội phát huy hết khả năng và đóng góp vào mục tiêu chung là sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG

Chính sách thu nhập tại Dolico được xây dựng dựa trên nền tảng công bằng, minh bạch và hợp lý. Công ty duy trì hệ thống thang bảng lương khoa học, có sự phân cấp rõ ràng dựa trên năng lực, cấp bậc và thâm niên công tác. Chế độ tiền lương và các khoản thưởng năng suất được thực hiện đúng quy định, tương xứng với năng suất lao động và mặt bằng chung của ngành. Năm 2025, Công ty tiếp tục tối ưu hóa cơ chế khen thưởng gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, qua đó tạo động lực mạnh mẽ để đội ngũ nỗ lực cống hiến vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.



VỀ PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Dolico liên tục hoàn thiện chính sách đãi ngộ với mục tiêu tạo mọi điều kiện để người lao động an tâm gắn bó lâu dài. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trích nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định pháp luật. Công tác chăm sóc sức khỏe định kỳ và trang bị bảo hộ lao động luôn được đặt lên hàng đầu. Đối với những nhân sự chịu tác động bởi lộ trình di dời trại và sắp xếp lại bộ máy, Công ty đảm bảo giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo đúng quy định của Bộ luật Lao động. Ngoài ra, Công ty và Công đoàn cơ sở tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi khi nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có tang lễ, hiếu hỉ... cũng như tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao và chúc mừng sinh nhật, góp phần xây dựng nét văn hóa Dolico nhân văn và đoàn kết.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Năm 2025, Công ty chủ trương không thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản mới có quy mô lớn. Nguồn vốn đầu tư trong năm chủ yếu được phân bổ cho công tác duy tu, bảo dưỡng tài sản hiện hữu, cụ thể như thực hiện các hạng mục sửa chữa, gia cố hệ thống chuồng trại, hệ thống điện, nước và xử lý chất thải tại Trại heo Dolico Xuân Thành và Trại heo Dolico Suối Cao để đảm bảo điều kiện sản xuất an toàn; mua sắm, thay thế các công cụ, dụng cụ chăn nuôi nhỏ lẻ hư hỏng trong quá trình vận hành để duy trì hoạt động thường xuyên.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai không có Công ty con, Công ty liên kết.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	183.727	180.214	98,09%
2	Doanh thu thuần	101.798	70.996	69,74%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	634	971	153,17%
4	Lợi nhuận khác	562	-215	-38,22%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.196	756	63,22%
6	Lợi nhuận sau thuế	965	570	59,10%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

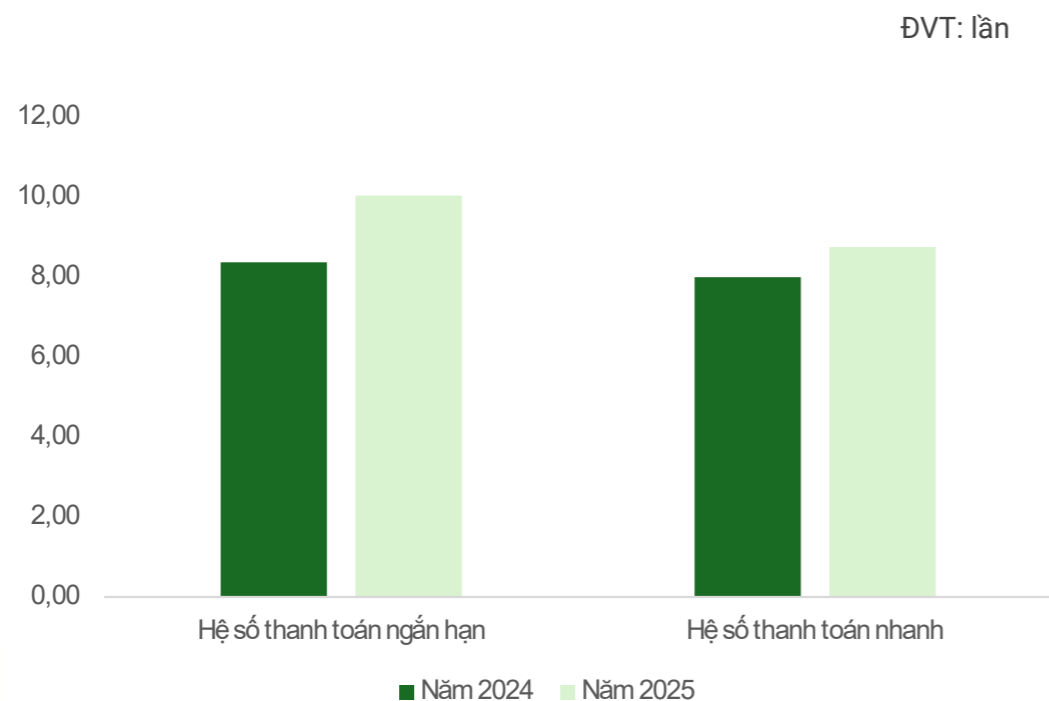


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,36	10,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,98	8,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,10	8,31
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,24	9,07
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,09	5,47
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,53	0,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,95%	0,80%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,57%	0,35%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,50%	0,31%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,62%	1,37%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

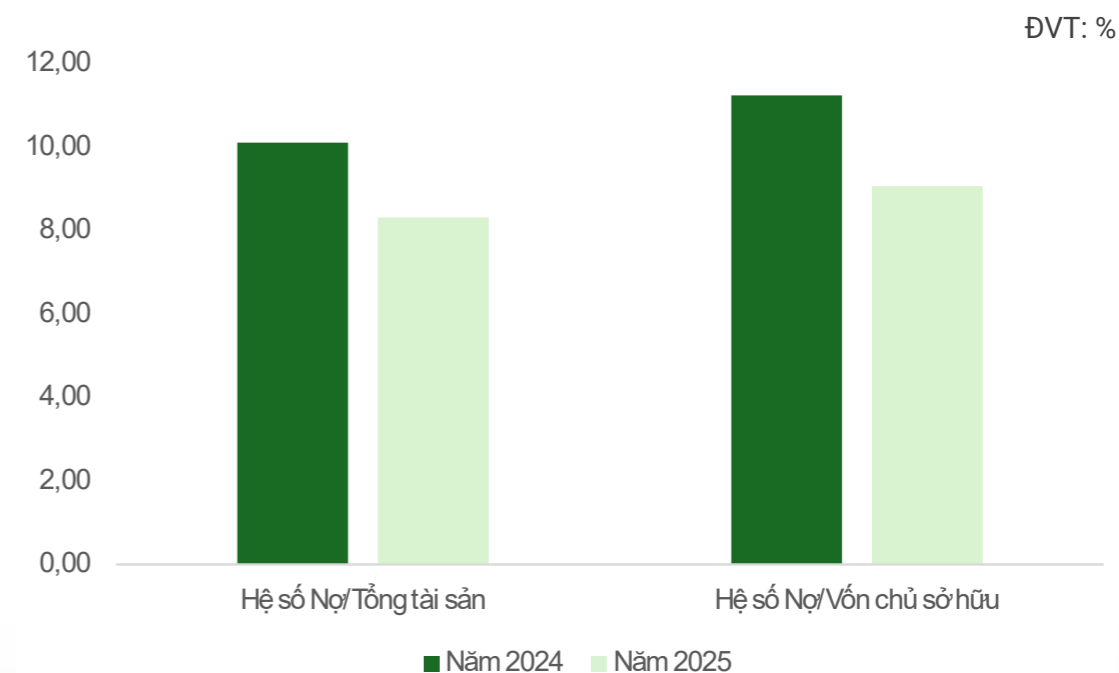


Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2025 cho thấy nền tảng thanh khoản được duy trì ở mức rất cao và tiếp tục cải thiện so với năm trước, qua đó đảm bảo khả năng chủ động trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 8,36 lần năm 2024 lên 10,02 lần năm 2025, cho thấy tại thời điểm cuối năm, cứ 1 đồng nợ ngắn hạn thì Công ty có tới hơn 10 đồng tài sản ngắn hạn để đảm bảo chi trả. Đồng thời, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 7,98 lên 8,74 lần, phản ánh ngay cả khi loại trừ hàng tồn kho – khoản mục có tính thanh khoản thấp hơn – Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán rất dồi dào. Theo thông lệ phân tích tài chính, mức trên 1 lần đã được xem là an toàn, do đó các chỉ số hiện tại của Công ty cao hơn rất nhiều so với ngưỡng thông thường.

Nguyên nhân chủ yếu của việc cải thiện các chỉ tiêu thanh khoản trong năm 2025 đến từ việc Công ty duy trì quy mô tài sản ngắn hạn lớn, đặc biệt là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn), trong khi nợ phải trả ở mức thấp và tiếp tục giảm. Điều này phản ánh định hướng quản trị tài chính thận trọng, ưu tiên sử dụng vốn tự có thay vì đòn bẩy, qua đó hạn chế rủi ro thanh khoản trong bối cảnh hoạt động kinh doanh cốt lõi chịu nhiều biến động từ yếu tố dịch bệnh và chi phí đầu vào.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



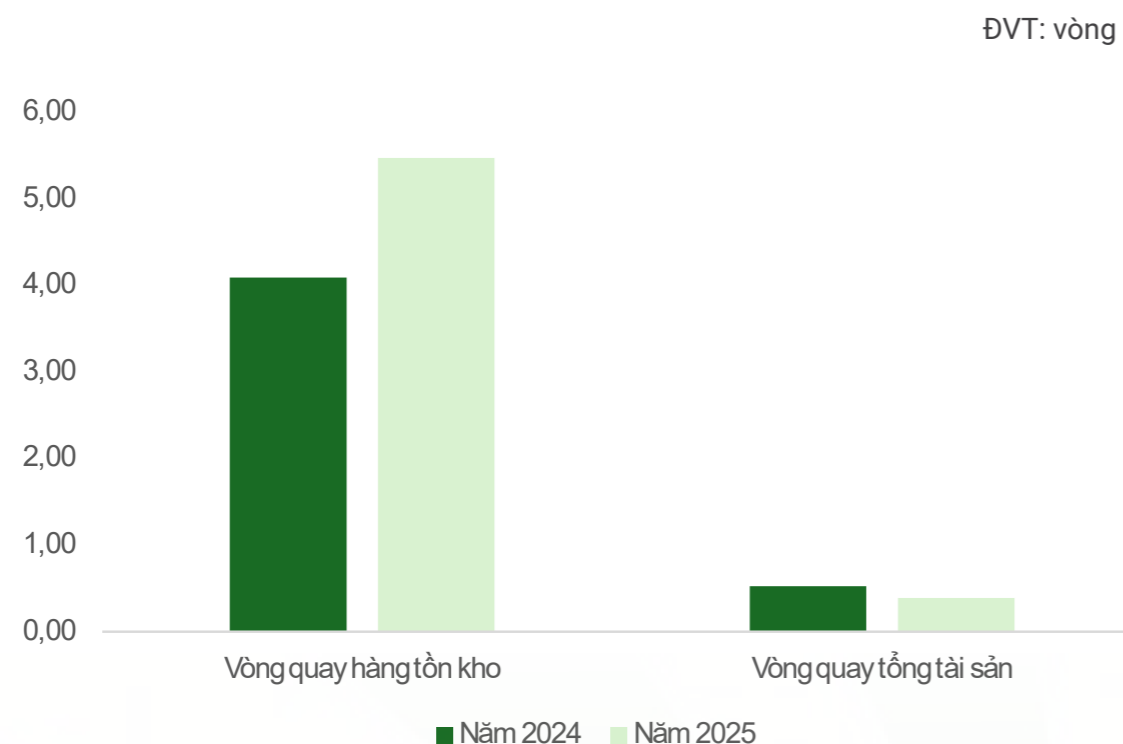
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tiếp tục cho thấy xu hướng giảm mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính và duy trì nền tảng vốn an toàn.

Cụ thể, trong năm 2025, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 10,10% xuống còn 8,31%, đồng thời hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 11,24% xuống 9,07%. Nhìn chung, cả hai chỉ số đều duy trì ở mức thấp và tiếp tục xu hướng giảm, phản ánh cơ cấu nguồn vốn của Công ty ngày càng thiên về vốn chủ sở hữu và ít phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

Nguyên nhân của sự biến động này chủ yếu đến từ việc nợ phải trả tiếp tục giảm, trong khi vốn chủ sở hữu được duy trì ổn định và tăng nhẹ nhờ lợi nhuận giữ lại. Đồng thời, quy mô tổng tài sản của Công ty có xu hướng giảm nhẹ so với đầu năm, chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định và biến động trong cơ cấu tài sản, qua đó cũng góp phần làm giảm tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn. Điều này cho thấy Công ty tiếp tục thực hiện chính sách quản trị tài chính thận trọng, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải trả và hạn chế phát sinh các khoản vay mới trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

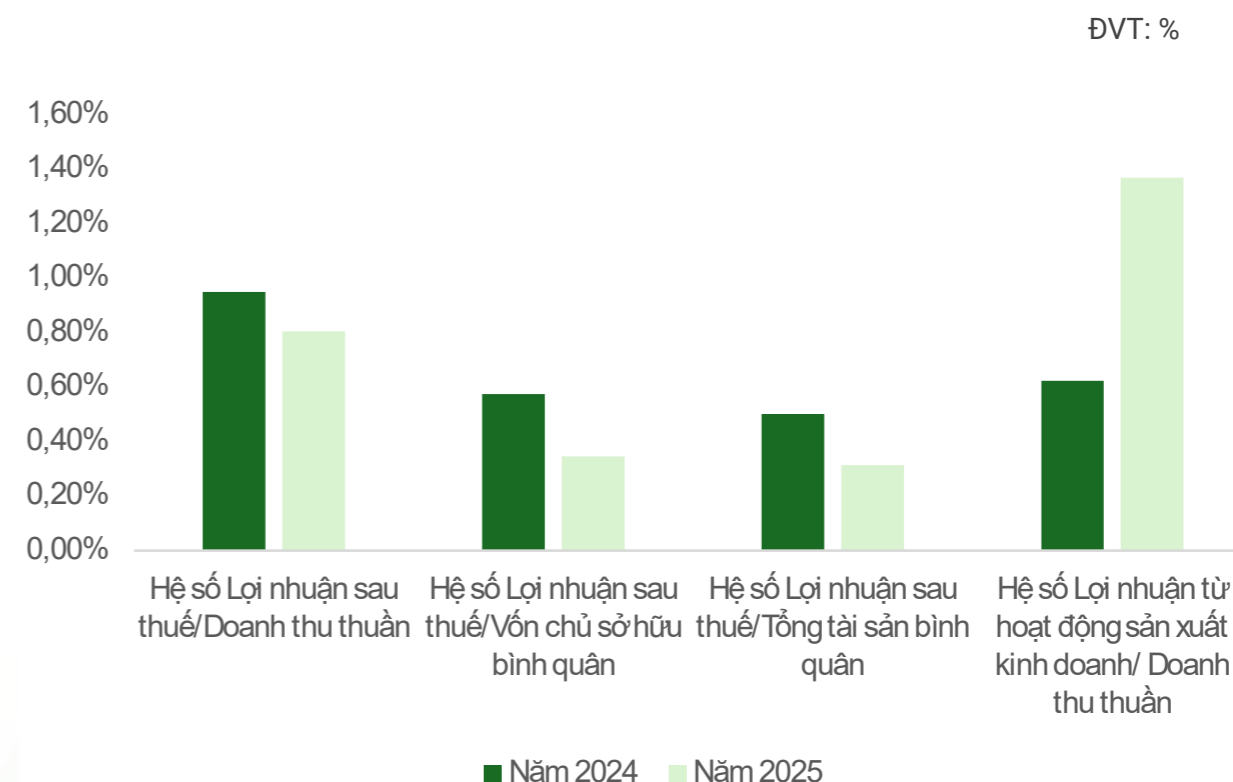
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Trong năm 2025, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty có xu hướng suy giảm, thể hiện qua việc vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,53 lần xuống còn 0,39 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần giảm đáng kể, từ 101,8 tỷ đồng xuống còn khoảng 71,0 tỷ đồng, trong khi quy mô tổng tài sản chỉ giảm nhẹ từ khoảng 183,7 tỷ đồng xuống 180,2 tỷ đồng. Diễn biến này cho thấy khả năng khai thác và chuyển hóa tài sản thành doanh thu của Công ty chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Bên cạnh đó, cơ cấu tài sản vẫn còn tồn tại những điểm chưa tối ưu khi Công ty duy trì tỷ trọng lớn các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn dưới dạng tiền gửi, đồng thời hàng tồn kho tăng mạnh từ 6,89 tỷ đồng lên 19,26 tỷ đồng (trong đó chủ yếu là giá trị đàn heo cuối kỳ tương ứng 18,46 tỷ).

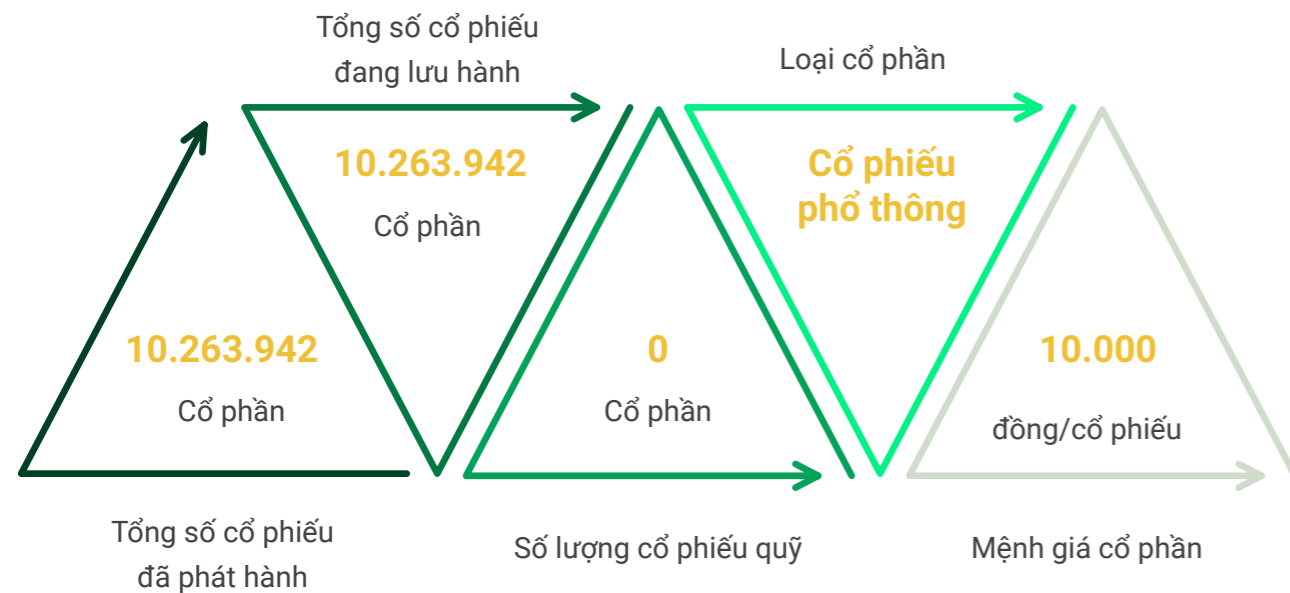
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các chỉ tiêu đều ghi nhận xu hướng giảm trong năm 2025, với ROS giảm từ 0,95% xuống 0,80%, ROA giảm từ 0,50% xuống 0,31% và ROE giảm từ 0,57% xuống 0,35%. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế giảm mạnh từ khoảng 965 triệu đồng xuống còn 570 triệu đồng, trong khi doanh thu cũng sụt giảm đáng kể. Ngoài ra, hoạt động sản xuất chịu tác động bất lợi từ dịch tả heo châu Phi, chi phí thức ăn, con giống và chi phí phòng dịch tăng cao, làm gia tăng chi phí trên mỗi đơn vị sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận. Tổng thể, khả năng sinh lời của Công ty trong năm vẫn ở mức thấp và cần được cải thiện trong các giai đoạn tiếp theo.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 27/05/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	10.263.942	102.639.420.000	100%
1	Cá nhân	1.590.900	15.909.000.000	15,50%
2	Tổ chức	8.673.042	86.730.420.000	84,50%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng (I + II)		10.263.942	102.639.420.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 27/05/2025

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - MTV Công ty TNHH	8.654.142	84,32%
2	Lê Thị Khánh Xương	810.000	7,89%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Phương thức phát hành
2010	34.213 triệu đồng	68.426 triệu đồng	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1
2016	34.213 triệu đồng	102.639 triệu đồng	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 2:1

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA 0% (*)

(*) Căn cứ theo Công văn số 2495/UBCK-PTTT ngày 02/06/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi, Dolico xác định việc kiểm soát các tác động môi trường là nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo an toàn dịch bệnh và duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Tại các đơn vị chăn nuôi đang hoạt động, Công ty duy trì vận hành hệ thống chuồng trại khép kín, trang bị đầy đủ hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải qua hầm Biogas và các hồ lắng lọc sinh học. Quy trình vận hành đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

Bên cạnh đó, Công ty vận hành hiệu quả các hệ thống làm mát, hút gió và xử lý mùi hôi tại chuồng nuôi nhằm hạn chế tối đa các tác động đến môi trường không khí khu vực xung quanh. Dolico cũng thực hiện việc trồng cây xanh tạo vành đai cách ly tại trang trại, đồng thời triển khai các biện pháp tiết kiệm tài nguyên (điện, nước) và hạn chế sử dụng túi nilon trong sinh hoạt cũng như sản xuất nhằm giảm thiểu rác thải khó phân hủy.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thú y và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước. Năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về vệ sinh thú y, kiểm soát nguồn thải và đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên tại nơi làm việc và khu vực cư trú.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với hoạt động kinh doanh, Dolico tích cực thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nhằm tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, đồng thời thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa.

Việc duy trì các tiêu chuẩn về vệ sinh thú y và cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn cũng là cam kết thiết thực của Công ty trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giữ gìn uy tín thương hiệu trên thị trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Dolico duy trì chính sách nhân sự dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và tuân thủ pháp luật lao động. Công ty đảm bảo toàn bộ người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) và hưởng các phúc lợi theo đúng quy định. Chế độ lương, thưởng được thực hiện căn cứ vào năng lực chuyên môn và kết quả đóng góp thực tế của từng nhân viên.

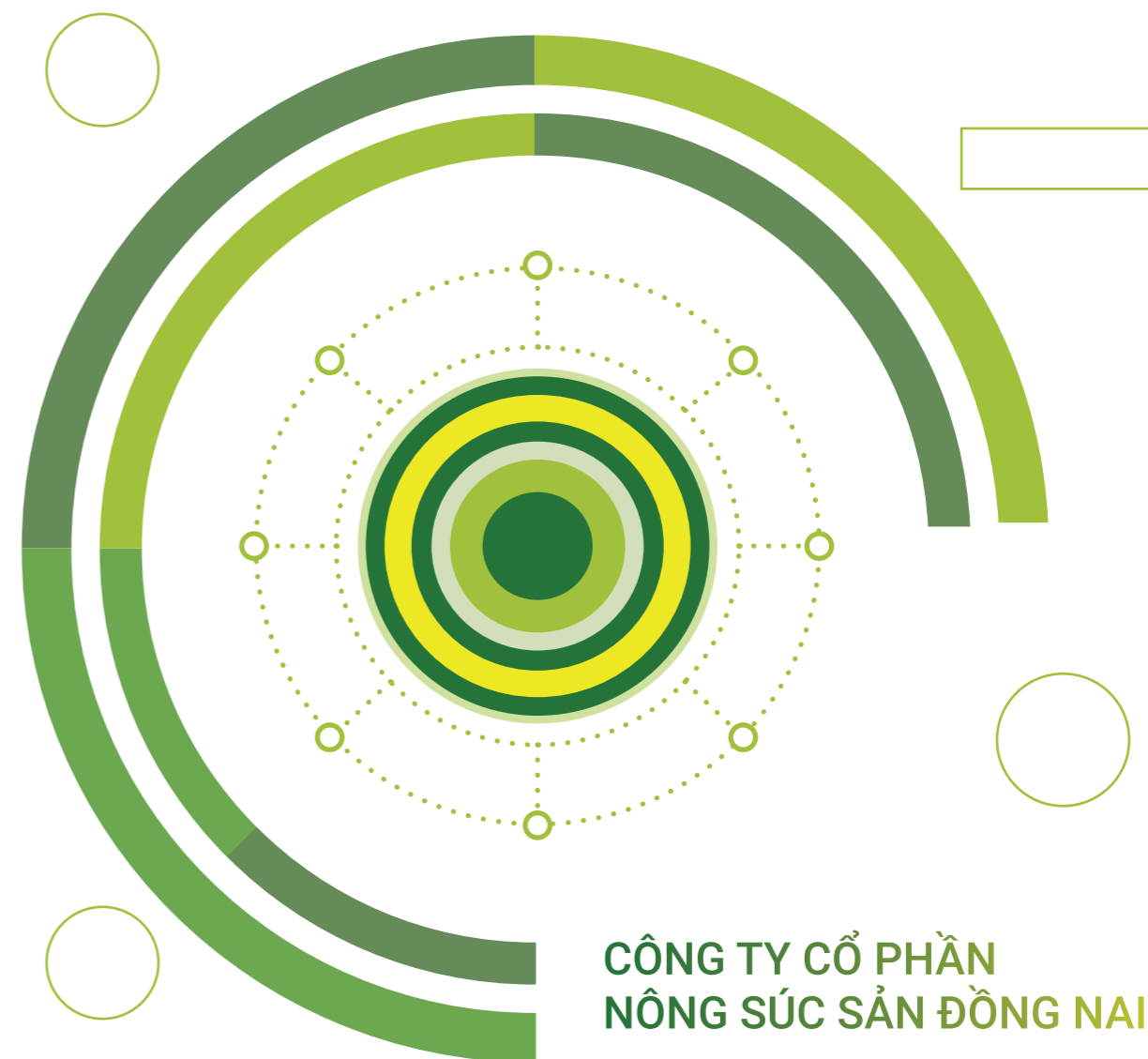
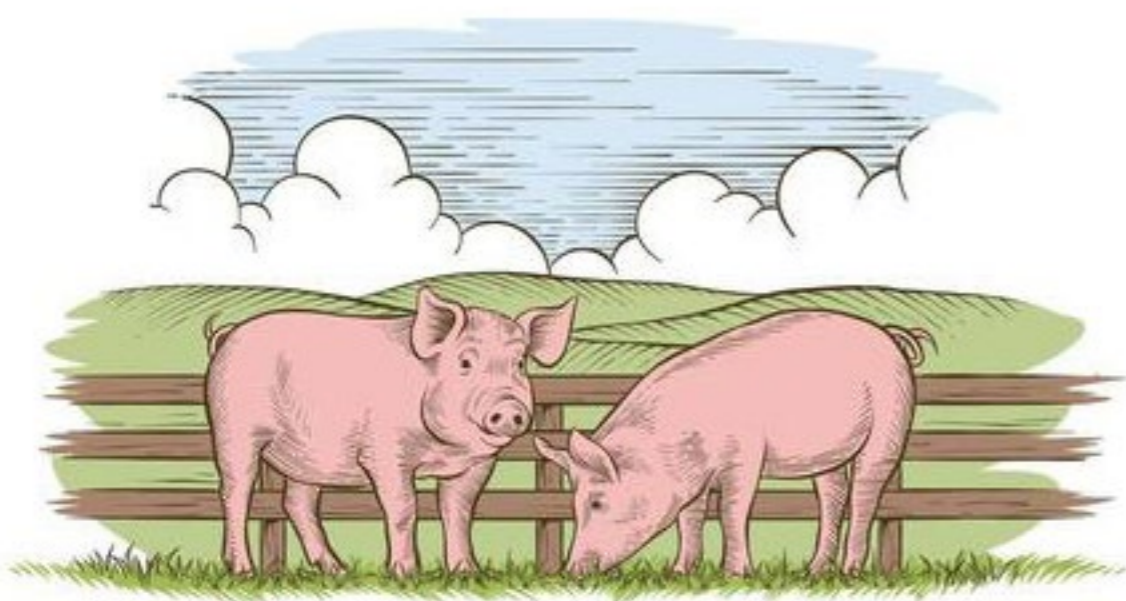
Bên cạnh đó, công tác an toàn vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe nhân viên luôn được chú trọng thông qua việc trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Ngoài ra, Công ty và Công đoàn cơ sở tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi hiếu hỉ, tang chế, hỗ trợ các trường hợp khó khăn và tổ chức các hoạt động tinh thần, giúp người lao động an tâm công tác.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 06 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, Công ty vận hành ổn định theo mô hình chăn nuôi tinh gọn. Mặc dù các chỉ tiêu tuyệt đối về sản lượng và doanh thu sụt giảm tương ứng với quy mô đã thu hẹp, song với sự quyết tâm của Ban điều hành và nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên, Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra. Ban điều hành đã tập trung nguồn lực nâng cao các định mức kỹ thuật tại các trại Xuân Thành, Suối Cao và đẩy mạnh khai thác hiệu quả dòng tiền từ hoạt động tài chính, qua đó bảo toàn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Thuận lợi

- » Nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ phía HĐQT và sự hỗ trợ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai;
- » Ban Giám đốc công ty thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường và có sự chỉ đạo, tổ chức sản xuất cho phù hợp với điều kiện từng trại chăn nuôi, chăm lo tốt đời sống cho người lao động, từ đó đã phát huy được sức mạnh tập thể đoàn kết, an tâm công tác.
- » Duy trì được mối quan hệ tốt với các khách hàng và thương lái truyền thống, đảm bảo đầu ra ổn định.

Khó khăn

- » Quy mô sản xuất thu hẹp làm giảm lợi thế về quy mô, gia tăng tỷ trọng chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm.
- » Giá bán sản phẩm heo trên thị trường trong năm 2025 không ổn định, biến động tăng giảm nhanh, mạnh khó lường, giá tăng cao từ 75.000đ/kg heo hơi trong quý 1 và quý 2 giảm xuống chỉ còn 48.000 đồng/kg trong quý 3 và đầu quý 4, thấp hơn nhiều so với giá thành sản xuất.
- » Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc (đặc biệt là dịch ASF) diễn biến khó lường, gây rủi ro cho công tác chăn nuôi và đòi hỏi chi phí phòng dịch cao.
- » Giá các mặt hàng nguyên liệu đầu vào (bắp, đậu nành, cám gạo...) và các loại thuốc thú y, vaccine nhìn chung neo ở mức cao do biến động tỷ giá và chuỗi cung ứng toàn cầu.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH 2024
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	155.069	84,40%	150.205	83,35%	96,86%
Tài sản dài hạn	28.658	15,60%	30.009	16,65%	104,71%
Tổng tài sản	183.727	100,00%	180.214	100,00%	98,09%

Trong năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 180.214 triệu đồng, giảm nhẹ 1,91% so với đầu năm. Cơ cấu tài sản tiếp tục duy trì tỷ trọng lớn ở tài sản ngắn hạn, tuy nhiên đã có sự điều chỉnh theo hướng giảm nhẹ, từ 84,40% xuống 83,35%. Ngược lại, tài sản dài hạn tăng từ 28.658 triệu đồng lên 30.009 triệu đồng, tương ứng tăng 4,71%, qua đó làm tỷ trọng tăng từ 15,60% lên 16,65%, phản ánh xu hướng gia tăng đầu tư cho các yếu tố phục vụ hoạt động sản xuất trong trung và dài hạn.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, có sự dịch chuyển đáng kể khi đầu tư tài chính ngắn hạn giảm từ 144.000 triệu đồng xuống còn 127.000 triệu đồng, trong khi hàng tồn kho tăng mạnh từ 6.887 triệu đồng lên 19.257 triệu đồng. Diễn biến này cho thấy Công ty đã chủ động điều chỉnh phân bổ nguồn vốn, giảm tỷ trọng tài sản mang tính chất đầu tư tài chính để tập trung nhiều hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH 2024
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	18.560	100%	14.984	100%	80,73%
Nợ dài hạn	0	-	0	-	0,00%
Tổng nợ phải trả	18.560	100%	14.984	100%	80,73%

Trong năm 2025, cơ cấu nợ phải trả của Công ty tiếp tục duy trì ở mức đơn giản và an toàn khi toàn bộ nợ phải trả đều là nợ ngắn hạn, không phát sinh nợ dài hạn. Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm đạt 14.984 triệu đồng, giảm 19,27% so với mức 18.560 triệu đồng đầu năm, cho thấy Công ty đã chủ động thu hẹp quy mô công nợ và kiểm soát tốt nghĩa vụ phải trả.

Về cơ cấu chi tiết, các khoản nợ phải trả giảm chủ yếu đến từ phải trả người lao động giảm mạnh từ 2.417 triệu đồng xuống còn 1.074 triệu đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi giảm từ 15.361 triệu đồng xuống còn 13.200 triệu đồng, phản ánh việc Công ty đã thực hiện chi trả và phân bổ các khoản nghĩa vụ liên quan trong năm. Bên cạnh đó, phải trả người bán ngắn hạn cũng giảm từ 537 triệu đồng xuống còn 376 triệu đồng, cho thấy Công ty tiếp tục duy trì chính sách thanh toán công nợ chặt chẽ, hạn chế phát sinh nghĩa vụ phải trả kéo dài.

Ngược lại, một số khoản mục ghi nhận xu hướng tăng như chi phí phải trả ngắn hạn tăng từ 33,6 triệu đồng lên 131,1 triệu đồng, tuy nhiên giá trị tuyệt đối không lớn nên không ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu chung.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được tinh gọn và hoạt động hiệu quả hơn. Công ty đã thực hiện rà soát, chuẩn hóa lại hệ thống vị trí công việc theo quy mô sản xuất mới, tăng cường tính đa nhiệm cho đội ngũ cán bộ công nhân viên nòng cốt. Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, nâng cao năng lực quản trị trại và kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai các cải tiến mang tính thực tiễn:

- Thắt chặt quy trình chào giá cạnh tranh định kỳ hàng tuần đối với vật tư và nguyên liệu sản xuất nhằm lựa chọn nhà cung cấp có giá thành tốt nhất.
- Chuyển đổi mô hình khai thác tài sản, đẩy mạnh việc cho thuê kho bãi và mặt bằng sẵn có tại các vị trí đặc địa để tối ưu nguồn thu và dòng tiền cho Công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- » Không có.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- » Ưu tiên tối đa cho công tác an toàn sinh học, phòng tránh dịch bệnh để bảo vệ an toàn cho đàn heo tại các trại hiện hữu.
- » Đảm bảo thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động.
- » Hoàn thành các chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- » Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý dứt điểm các vấn đề pháp lý đất đai và tìm kiếm các phương án hợp tác đầu tư chăn nuôi tại các vùng quy hoạch cho phép.

STT	Lĩnh vực hoạt động	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng heo thịt	Tấn	1.228
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	80.584
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.852

Các giải pháp thực hiện

- » Tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc an toàn sinh học và thực hiện tốt các biện pháp phòng tránh dịch bệnh cho đàn heo.
- » Để ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động trong năm 2026, Công ty tiếp tục nhập mua heo giống ba máu nuôi thịt mỗi quý từ 3.000 con đến 5.000 con, tùy theo diễn biến thực tế cho phù hợp. Bên cạnh đó, sẽ luôn theo dõi sát sao tình hình dịch bệnh để có kế hoạch từng bước nhập mua heo hậu bị giống mới, gây dựng lại đàn heo nái sinh sản tại trại heo nái Suối Cao nhằm chủ động được nguồn heo giống nuôi thịt cung cấp nội bộ cho các trại heo của Công ty.
- » Tiếp tục kiểm tra chất lượng và giá cả giữa các nhà cung cấp thức ăn gia súc để tiết kiệm chi phí đầu vào.
- » Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm thêm các đối tác thu mua mới.
- » Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.
- » Rà soát và thanh lý kịp thời các tài sản cũ, hư hỏng không còn nhu cầu sử dụng để thu hồi nguồn vốn.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN

ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chăn nuôi, Dolico luôn xác định việc kiểm soát các tác động môi trường là nhiệm vụ trọng tâm để đảm bảo an toàn cho đàn heo và duy trì sự hài hòa với cộng đồng dân cư xung quanh. Năm 2025, Công ty đã duy trì vận hành ổn định hệ thống hầm Biogas và hồ xử lý nước thải tại các đơn vị đang hoạt động, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định. Các công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại được thực hiện định kỳ và nghiêm ngặt kết hợp với vận hành hiệu quả hệ thống làm mát, hút gió nhằm hạn chế tối đa mùi hôi và tác động đến môi trường không khí.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Dolico chủ trương kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ cương và công bằng. Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách về lương, thưởng và đảm bảo thu nhập ổn định cho cán bộ nhân viên phù hợp với quy mô vận hành mới. Các chế độ BHXH, BHYT và chăm sóc sức khỏe định kỳ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, công tác đào tạo kỹ năng chuyên môn và an toàn lao động cũng được chú trọng thường xuyên, giúp đội ngũ nhân sự yên tâm công tác và gắn bó lâu dài cùng doanh nghiệp.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

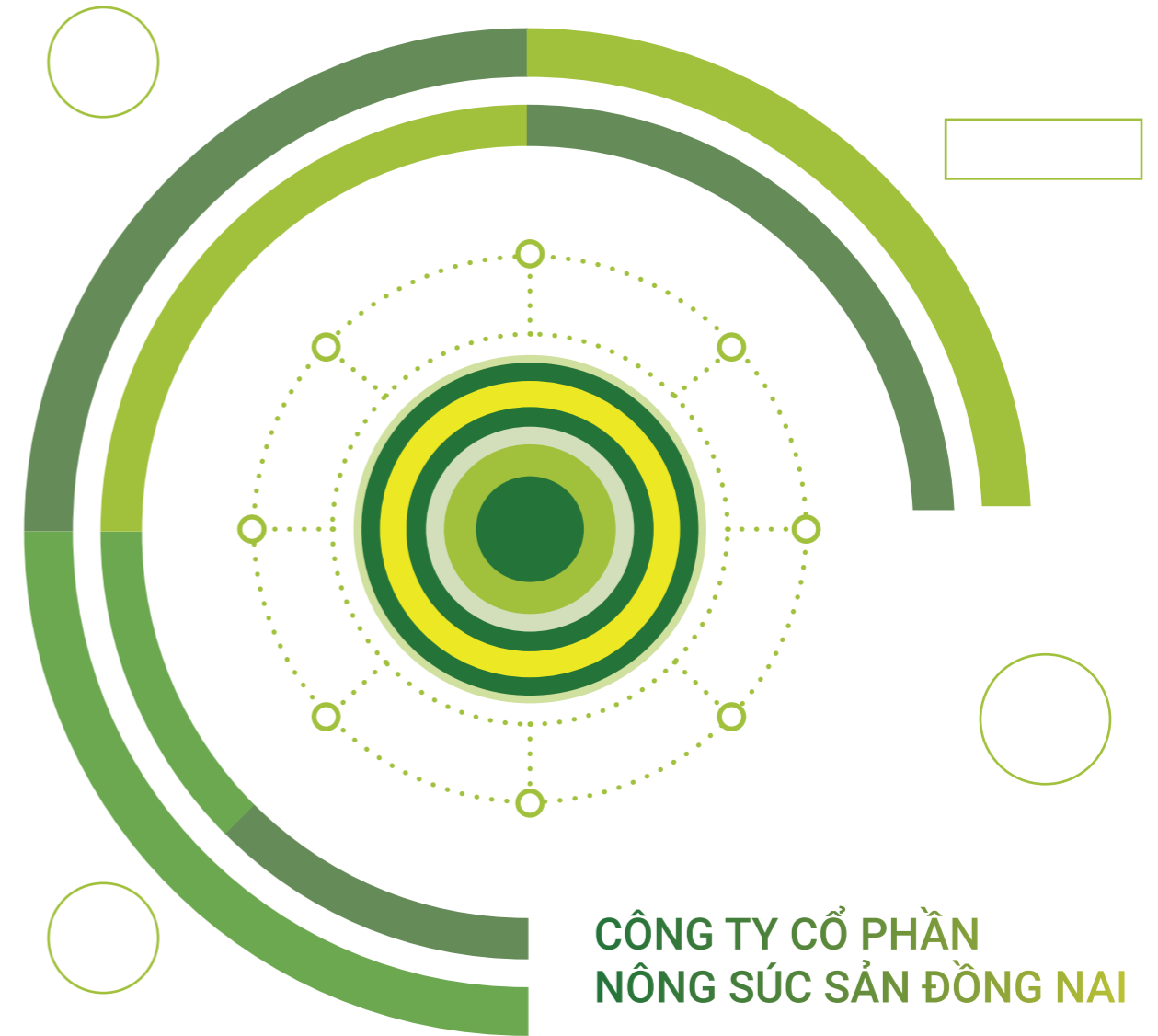
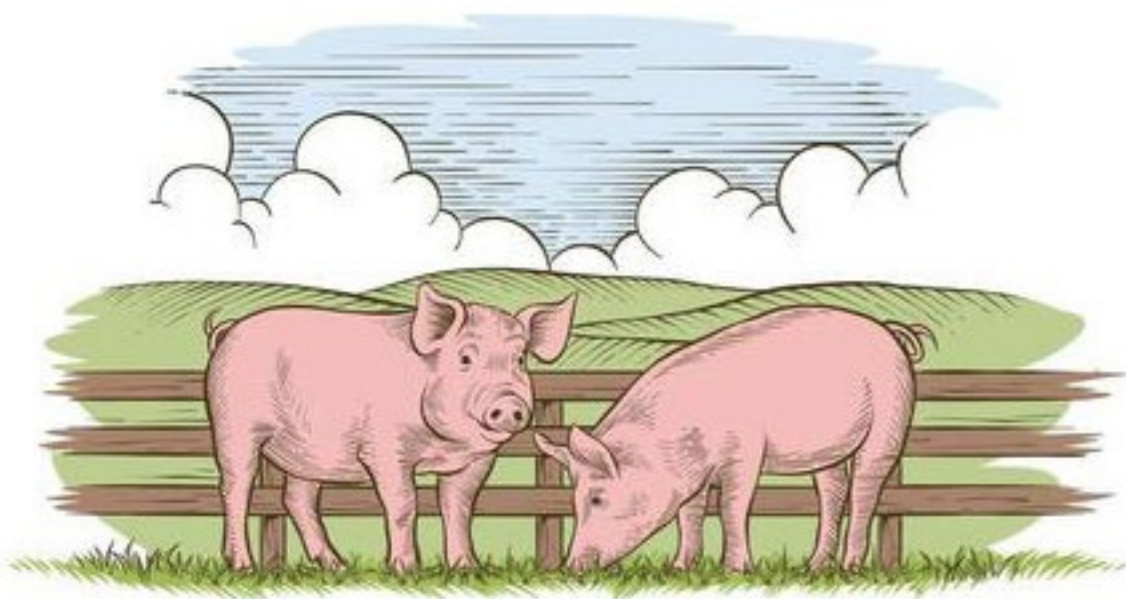


Xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh, Dolico luôn nỗ lực hài hòa mục tiêu lợi nhuận với trách nhiệm xã hội. Công ty tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong các chương trình an sinh xã hội. Ngoài ra, việc duy trì nghiêm ngặt các quy chuẩn về thú y và cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn, không chất cấm là cam kết xuyên suốt của Công ty nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và giữ vững uy tín thương hiệu trên thị trường.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 02 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 03 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Công tác tài chính

- » Vận hành chính sách tài chính thận trọng và an toàn, không phát sinh nợ vay ngân hàng và đảm bảo tính chủ động về nguồn vốn tự có cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư;
- » Thực hiện quyết liệt công tác rà soát, thanh lý các tài sản cố định hư hỏng hoặc không còn nhu cầu sử dụng nhằm thu hồi nguồn vốn đầu tư và tinh gọn bảng cân đối kế toán;
- » Phát huy hiệu quả khai thác thương mại đối với các mặt bằng, kho xưởng chưa sử dụng hết công suất, tạo nguồn thu ổn định đóng góp vào kết quả lợi nhuận chung của Công ty.

Công tác môi trường

- » Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bảo vệ môi trường, vận hành hiệu quả hệ thống hầm Biogas và các công trình xử lý nước thải tại trang trại đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định;
- » Duy trì công tác vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng chuồng trại định kỳ nhằm kiểm soát mùi hôi và đảm bảo an toàn dịch tễ cho đàn vật nuôi cũng như môi trường sống xung quanh;
- » Tăng cường diện tích cây xanh trong khuôn viên các cơ sở sản xuất và nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho đội ngũ người lao động.

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- » Duy trì hoạt động chăn nuôi ổn định và thông suốt tại các trang trại nòng cốt ngay sau khi Công ty hoàn tất lộ trình sắp xếp lại quy mô sản xuất từ cuối năm 2024;
- » Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật chăn nuôi, tập trung nâng cao tỷ lệ nuôi sống và chất lượng heo thịt thương phẩm nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trên quy mô tổng đàn hiện hữu;
- » Duy trì nề nếp công tác thu mua nguyên liệu đầu vào thông qua quy trình chào giá cạnh tranh hàng tuần, đảm



bảo tính minh bạch và giá vốn nhập kho tối ưu cho xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi;

- » Đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra luôn đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu và niềm tin đối với hệ thống khách hàng, thương lái truyền thống.

Công tác nhân lực

- » Ổn định cơ cấu tổ chức với đội ngũ cán bộ nhân viên nòng cốt vận hành theo mô hình tinh gọn, đa nhiệm, đảm bảo năng suất lao động và hiệu quả quản lý;
- » Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về lương, thưởng và các chính sách bảo hiểm, phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật;
- » Chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, thường xuyên tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và quy trình an toàn sinh học giúp đội ngũ nhân sự nâng cao tay nghề và làm chủ quy trình phòng chống dịch bệnh;
- » Duy trì sự ổn định tư tưởng và tinh thần đoàn kết trong nội bộ Công ty thông qua các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

Công tác thị trường xây dựng thương hiệu

- » Duy trì mối quan hệ bền vững với mạng lưới thương lái lâu năm, đảm bảo kênh tiêu thụ sản phẩm heo thịt luôn thông suốt với giá bán tốt;
- » Uy tín thương hiệu Dolico tiếp tục được khẳng định thông qua việc cung ứng sản phẩm sạch, an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Năm 2025, mặc dù quy mô sản xuất có sự điều chỉnh giảm, Ban điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, điều hành linh hoạt các nguồn lực để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc quản trị chi phí, duy trì các định mức kỹ thuật chăn nuôi ổn định và chủ động tạo nguồn thu từ khai thác tài sản, góp phần bảo toàn vốn chủ sở hữu của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

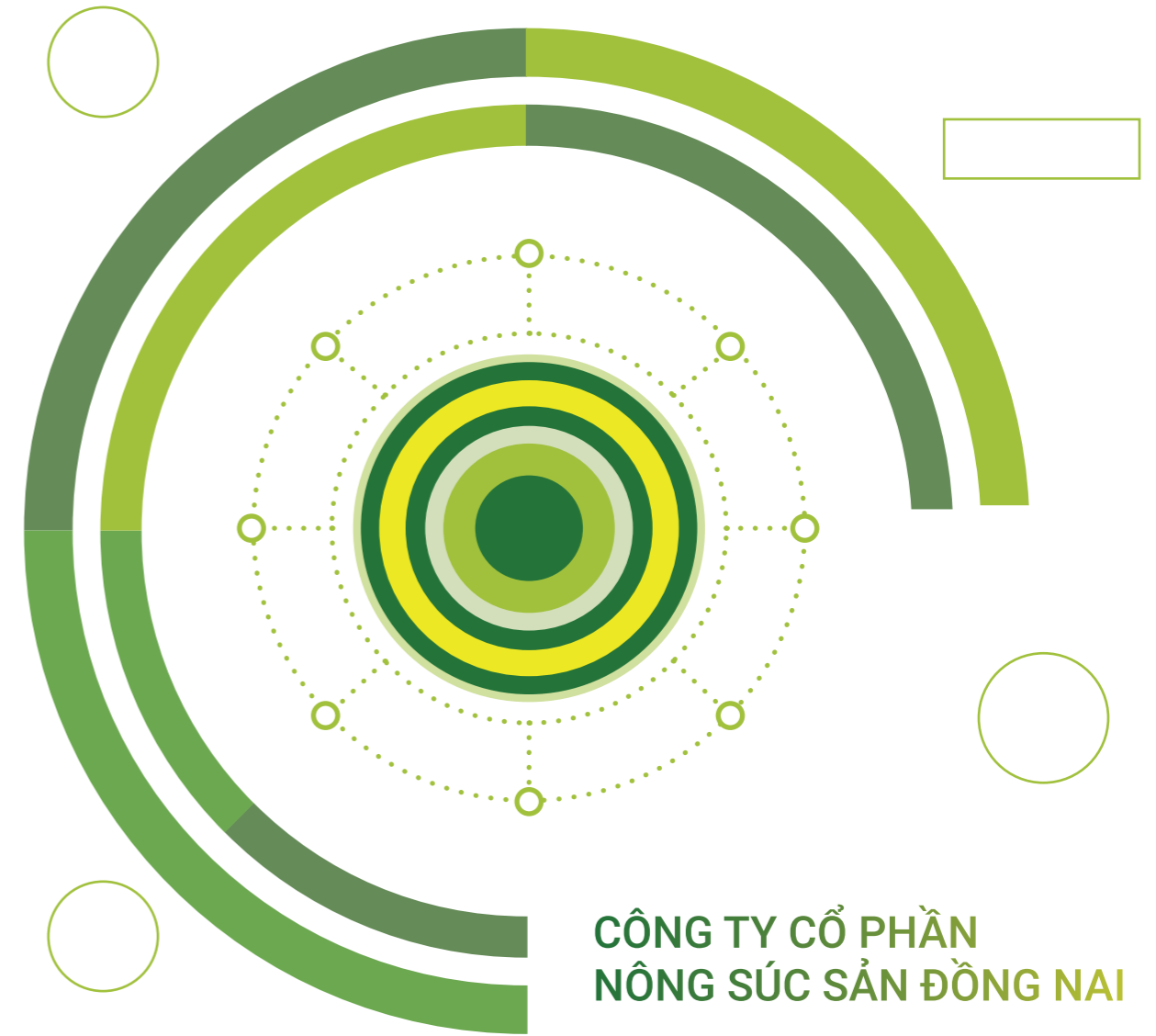
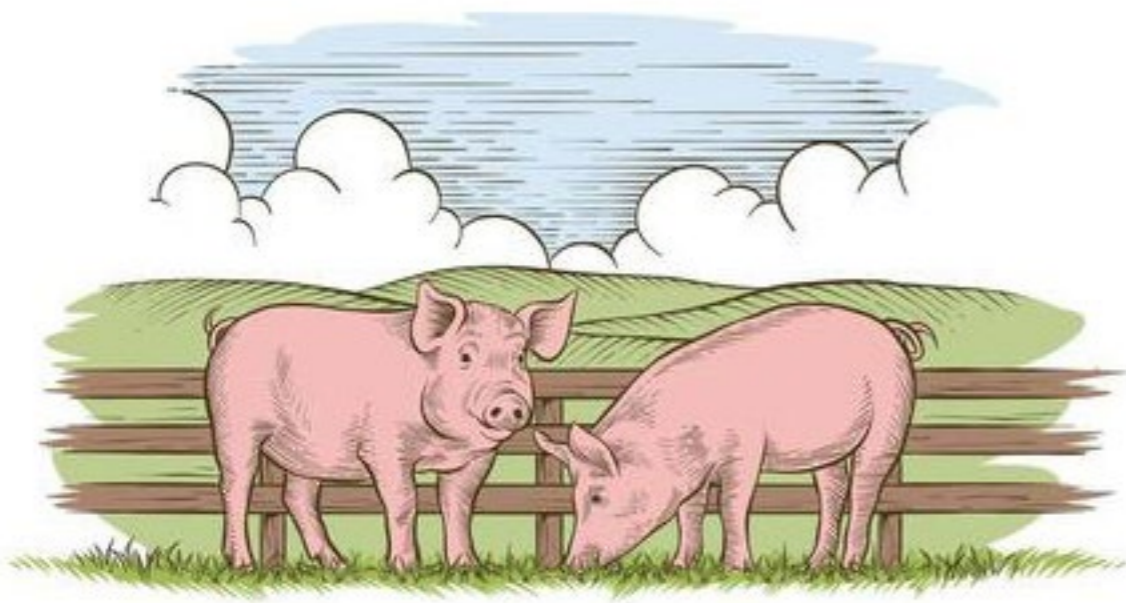
- » Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026, đặt trọng tâm vào công tác an toàn sinh học và phòng chống dịch bệnh;
- » Đẩy mạnh giải quyết các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai; tiếp tục tối ưu hóa việc khai thác thương mại quỹ đất hiện có để gia tăng dòng tiền tích lũy;
- » Nghiên cứu và tìm kiếm các phương án hợp tác đầu tư để từng bước khôi phục sản lượng heo thịt khi điều kiện thị trường thuận lợi;
- » Đảm bảo việc quản trị Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật đối với công ty đại chúng, nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- » Duy trì định kỳ các phiên họp thường kỳ để kịp thời định hướng, điều chỉnh hoạt động của Công ty phù hợp với diễn biến thị trường và các quy định luật định mới.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 Hội đồng quản trị
- 02 Ban kiểm soát
- 03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT	4.154.142	40,47%	-	-
2	Ông Đinh Ngọc Mến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	3.000.000	29,22%	3.400	0,03%
3	Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Kỹ thuật	-	-	1.300	0,013%
4	Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	35.600	0,35%
5	Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT	1.500.000	14,61%	13.300	0,13%

THÔNG TIN THÀNH VIÊN HĐQT

ÔNG LÊ PHƯỚC HÙNG – CHỦ TỊCH HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 4.154.142 cổ phần, chiếm 40,47% VĐL
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

ÔNG ĐINH NGỌC MẾN – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 3.000.000 cổ phần, chiếm 29,22% VĐL
Sở hữu cá nhân: 3.400 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

ÔNG NGUYỄN SỸ SINH – THÀNH VIÊN HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phần, chiếm 0,013% VĐL
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

ÔNG LÂM HÙNG PHƯƠNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
Sở hữu cá nhân: 35.600 cổ phần, chiếm 0,35% VĐL
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

ÔNG TRƯƠNG TẤN CƯỜNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
Đại diện sở hữu: Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai: 1.500.000 cổ phần, chiếm 14,61% VĐL
Sở hữu cá nhân: 13.300 cổ phần, chiếm 0,13% VĐL
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đinh Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT		01/01/2025
		Thành viên HĐQT không điều hành		26/06/2025
2	Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	01/01/2025	26/06/2025
		Thành viên HĐQT		
3	Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT	26/06/2025	
4	Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT	26/06/2025	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » HĐQT giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- » Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- » Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật;



- » Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT;
- » Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT, đồng thời qua các buổi họp HĐQT, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo;
- » Nhìn chung năm 2025 là năm tương đối khó khăn đối với ngành chăn nuôi heo, nên HĐQT đã chỉ đạo sát sao Ban Giám đốc rất thận trọng trong SXKD, quyết tâm trong việc phòng chống ngăn ngừa dịch bệnh để đảm bảo an toàn cho đàn heo, ổn định sản xuất tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Đinh Văn Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành	05/05	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2025
2	Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	05/05	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2025
3	Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	Bổ nhiệm từ 26/06/2025
4	Ông Đinh Ngọc Mến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	09/09	100%	
5	Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Kỹ thuật	09/09	100%	
6	Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	09/09	100%	
7	Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT	04/04	100%	Bổ nhiệm từ 26/06/2025

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2025	Thông nhất việc Ông Đinh Văn Hồng thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và bầu Ông Trần Minh Phương giữ chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 kể từ ngày 01/01/2025.	100%
2	02/NQ-HĐQT	10/02/2025	Thông nhất quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024; Thông nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Chủ trương triển khai chọn lọc nhập thêm đàn heo giống hậu bị, heo con giống nuôi thịt vào các trại chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học để tăng sản lượng.	100%
3	03/NQ-HĐQT	11/04/2025	Thông nhất kết quả SXKD năm 2024, thông nhất dự ước kết quả sản xuất kinh doanh quý 1/2025; thông nhất quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024, kế hoạch lao động năm 2025; thông nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025; thông nhất nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai; Hội đồng quản trị thống nhất chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Trần Minh Phương; thông nhất tình hình bổ sung nhân sự chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2025.	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	04/NQ-HĐQT	27/05/2025	Thống nhất thời gian, địa điểm và tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (Bao gồm: Các báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tài chính kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận, Tiền lương thù lao, Lựa chọn đơn vị kiểm toán và Công tác nhân sự).	100%
5	05/NQ-HĐQT	16/06/2025	Thống nhất chấp thuận đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT của Bà Ngô Thị Cẩm Hà; Thống nhất danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung Thành viên HĐQT (Ông Lê Phước Hùng, Ông Trương Tấn Cường) và Thành viên BKS (Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa) nhiệm kỳ 2021-2025 để trình ĐHĐCĐ.	100%
6	06/NQ-HĐQT	26/06/2025	Phiên họp thứ nhất của HĐQT sau kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên: Thống nhất bầu Ông Lê Phước Hùng giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2025.	100%
7	07/NQ-HĐQT	01/07/2025	Thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Bửu Long về cung cấp dịch vụ ăn uống (giá trị hợp đồng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty).	100%
8	08/NQ-HĐQT	04/08/2025	Thống nhất kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025; Thống nhất dự ước kết quả SXKD 9 tháng năm 2025; Thống nhất chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính bán niên và năm 2025.	100%
9	09/NQ-HĐQT	05/11/2025	Thống nhất kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và dự ước kết quả SXKD cả năm 2025; Thống nhất chủ trương thanh lý các tài sản cố định (chuồng heo thịt, vật kiến trúc) hư hỏng, xuống cấp tại trại Tân An; Chỉ đạo tiếp tục hoàn tất hồ sơ thủ tục đất đai; Thống nhất các giải pháp thực hiện quý IV/2025 (nhập thêm heo giống, heo thịt và tận dụng mặt bằng, nhà kho để cho thuê).	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng BKS	-	-	5.000	0,049%
2	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	-	-	-	-

BAN KIỂM SOÁT

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS		26/06/2025
2	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	26/06/2025	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG:

- BKS đã thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động của HĐQT đã tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Giám đốc đã và đang triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giám sát việc thay đổi nhân sự chủ chốt: Trong năm 2025, HĐQT và BKS có sự thay đổi lớn về nhân sự (miễn nhiệm Ông Đinh Văn Hồng, Ông Trần Minh Phương, Bà Ngô Thị Cẩm Hà; bầu bổ sung Ông Lê Phước Hùng, Ông Trương Tấn Cường, Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa). BKS xác nhận quy trình miễn nhiệm và bầu bổ sung tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Công tác công bố thông tin, báo cáo quản trị được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của Công ty và cổ đông. Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đúng quy định.
- Trong năm, BKS không nhận được đơn thư khiếu nại hay yêu cầu chất vấn của cổ đông về các hoạt động của Công ty, công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh hoặc nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- BKS được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS có những ý kiến góp ý đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc tuân thủ pháp luật, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT.
- BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

CUỘC HỌP CỦA BKS

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng BKS	03/03	100%	
2	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS	03/03	100%	
3	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	02/02	100%	Bổ nhiệm từ 26/06/2025
4	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS	01/01	100%	Miễn nhiệm từ 26/06/2025

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	11/04/2025	Rà soát số liệu BCTC năm 2024, lập báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2	02/BKS	04/08/2025	Rà soát số liệu BCTC 6 tháng năm 2025.
3	03/BKS	05/11/2025	Rà soát số liệu BCTC 9 tháng năm 2025.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 26/06/2025)	27.000.000
2	Ông Đinh Văn Hồng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 01/01/2025, miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ 26/06/2025)	45.200.000
3	Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 26/06/2025)	115.533.000
4	Ông Đinh Ngọc Mến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	526.818.923
5	Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT không điều hành	60.200.000
6	Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Kỹ thuật	466.808.000
7	Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 26/06/2025)	327.116.280
8	Ông Hoàng Ngọc Long	Kế toán trưởng	351.167.077
9	Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng BKS	261.048.231
10	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 26/06/2025)	33.800.000
11	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên BKS	51.800.000
12	Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 26/06/2025)	18.000.000



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

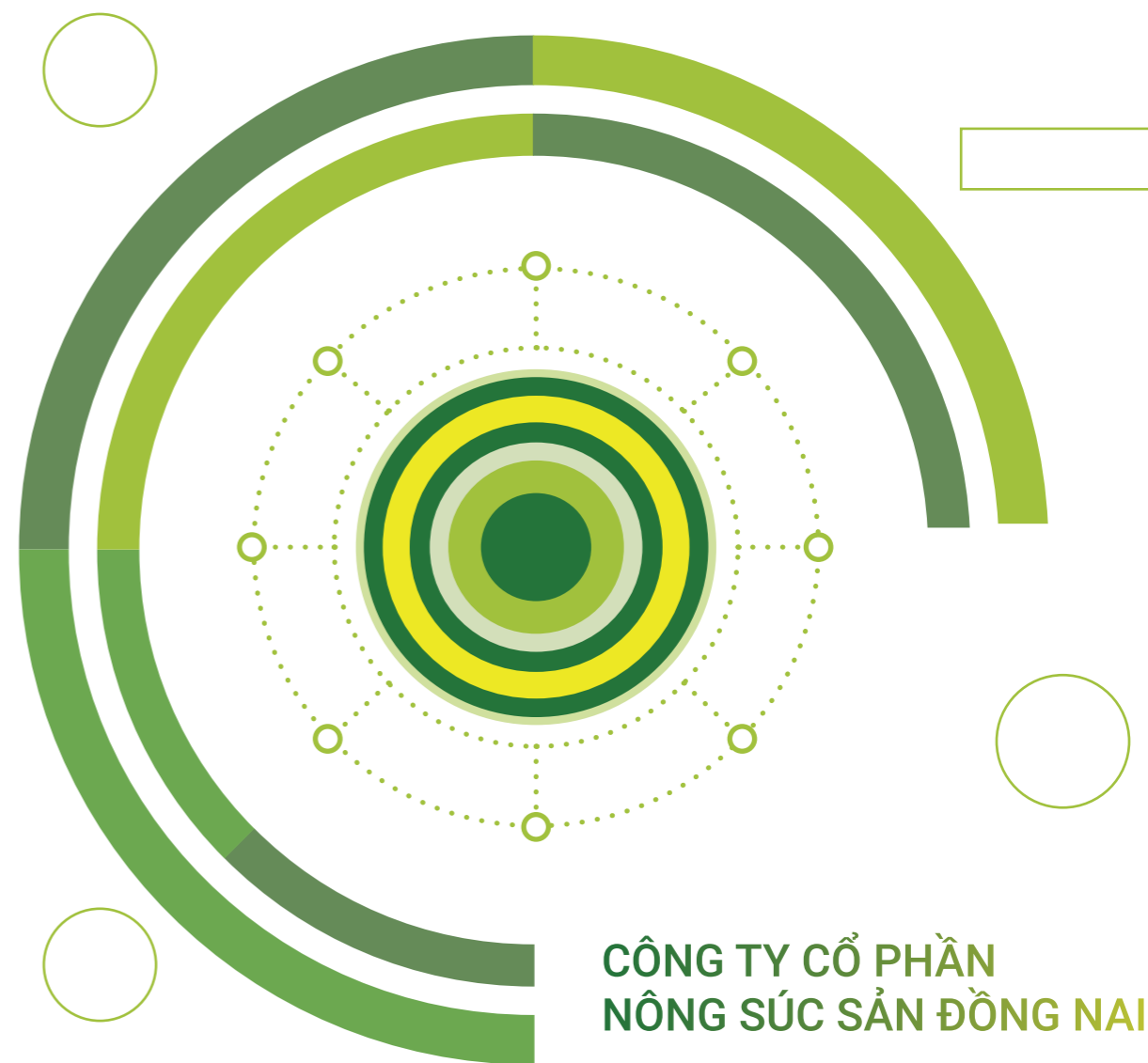
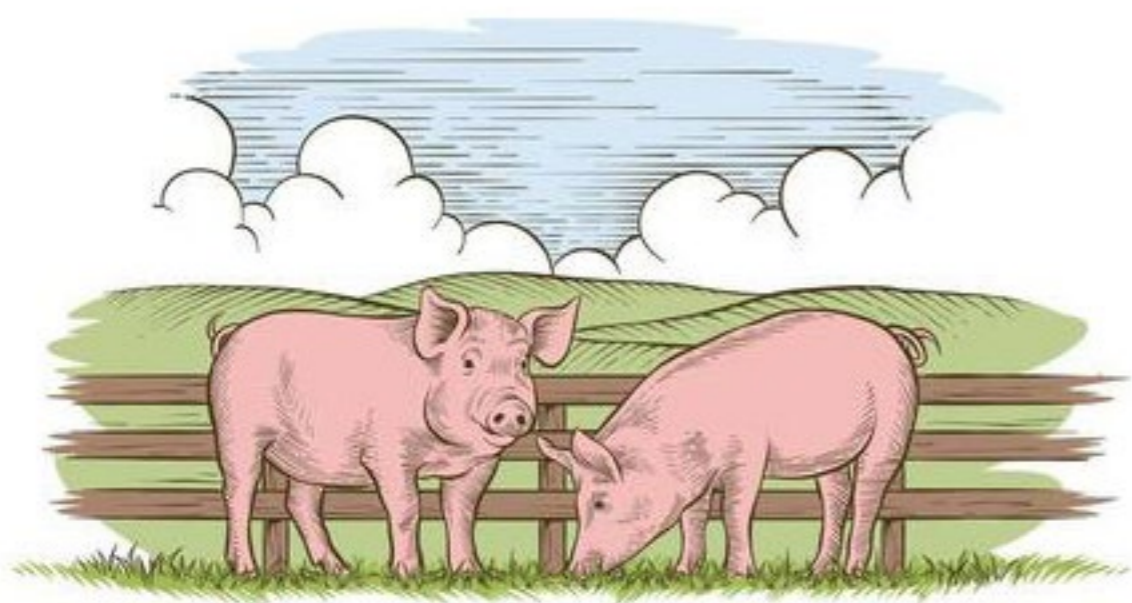


Nhìn chung, trong năm 2025, HĐQT và Ban điều hành Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai đã thực hiện tốt vai trò quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy chế nội bộ. Công ty luôn chú trọng tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành cập nhật kiến thức, tham gia các khóa đào tạo để nâng cao năng lực quản trị. Bên cạnh đó, công tác quản trị của Dolico luôn gắn liền với các nguyên tắc công bố thông tin minh bạch, kịp thời và chính xác, đảm bảo quyền lợi bình đẳng cho tất cả các cổ đông và nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 01 Ý kiến kiểm toán
- 02 Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành Công ty cổ phần theo quyết định số 761/QĐ-CT-UBT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 02 năm 2005.

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch	Đỗ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Đinh Ngọc Mến	Phó Chủ tịch	
Ông Trương Tấn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên	
Ông Đinh Văn Hồng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Mến	Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Phó Giám đốc kỹ thuật

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đinh Ngọc Mến – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đinh Ngọc Mến
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Số: 270326.012/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Kiên

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thái

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.204.786.006	155.068.914.469
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.122.964.690	2.034.483.922
111	1. Tiền		2.122.964.690	2.034.483.922
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	127.000.000.000	144.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		127.000.000.000	144.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.249.178.449	1.646.999.344
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	180.000.000	180.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.962.008	233.674.686
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.240.216.441	1.413.324.658
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(180.000.000)	(180.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	09	19.257.246.399	6.887.044.259
141	1. Hàng tồn kho		19.257.246.399	6.887.044.259
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		575.396.468	500.386.944
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	575.396.468	500.386.944
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.008.848.595	28.658.359.049
220	I. Tài sản cố định		17.409.308.037	23.377.772.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.958.253.203	14.284.502.650
222	- Nguyên giá		109.997.014.144	109.997.014.144
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.038.760.941)	(95.712.511.494)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.451.054.834	9.093.269.783
228	- Nguyên giá		15.019.256.267	15.019.256.267
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.568.201.433)	(5.925.986.484)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	04	1.030.000.000	1.030.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.030.000.000	1.030.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		11.569.540.558	4.250.586.616
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	11.569.540.558	4.250.586.616
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		180.213.634.601	183.727.273.518

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.984.112.379	18.560.025.753
310	I. Nợ ngắn hạn		14.984.112.379	18.560.025.753
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	376.239.185	537.162.679
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.978	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	65.113.683	100.177.429
314	4. Phải trả người lao động		1.074.398.678	2.416.982.266
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	131.127.910	33.585.926
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	137.533.178	110.751.072
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.199.654.767	15.361.366.381
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		165.229.522.222	165.167.247.765
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	165.229.522.222	165.167.247.765
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.639.420.000	102.639.420.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.639.420.000	102.639.420.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		61.781.859.344	61.781.859.344
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		808.242.878	745.968.421
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		237.993.421	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		570.249.457	745.968.421
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		180.213.634.601	183.727.273.518


Trần Thị Thuý Huyền
Người lập


Hoàng Ngọc Long
Kế toán trưởng


Đinh Ngọc Mến
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	70.995.892.832	101.797.735.573
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.995.892.832	101.797.735.573
11	4. Giá vốn hàng bán	20	71.551.909.072	102.980.014.016
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(556.016.240)	(1.182.278.443)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.751.480.212	5.287.382.778
22	7. Chi phí tài chính	22	-	(242.978.000)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.224.271.151	3.714.007.697
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		971.192.821	634.074.638
31	11. Thu nhập khác	24	-	562.342.741
32	12. Chi phí khác	25	214.881.000	165.482
40	13. Lợi nhuận khác		(214.881.000)	562.177.259
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		756.311.821	1.196.251.897
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	186.062.364	231.283.476
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		570.249.457	964.968.421
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	56	23


Trần Thị Thuý Huyền
Người lập


Hoàng Ngọc Long
Kế toán trưởng


Đinh Ngọc Mến
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		756.311.821	1.196.251.897
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.968.464.396	6.731.200.933
03	- Các khoản dự phòng		-	(243.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(993.023)	(991.945)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.750.487.189)	(5.848.733.074)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		973.296.005	1.834.727.811
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(36.359.210)	(12.634.054)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.370.202.140)	36.567.632.211
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.414.201.760)	(9.424.975.533)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.318.953.942)	5.845.125.706
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(25.482.131)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.669.686.614)	(4.819.160.646)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.836.107.661)	29.965.233.364
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(819.234.290)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	562.342.241
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(249.500.000.000)	(326.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay		266.500.000.000	297.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.923.595.406	5.295.775.766
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.923.595.406	(24.461.116.283)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(4.095.312.858)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(4.095.312.858)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		87.487.745	1.408.804.223

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.034.483.922	624.687.754
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		993.023	991.945
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	2.122.964.690	2.034.483.922

Trần Thị Thuý Huyền
Người lập

Hoàng Ngọc Long
Kế toán trưởng



Đình Ngọc Mẫn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 102.639.420.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 102.639.420.000 VND; tương đương 10.263.942 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 51 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 41 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi gia súc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo;
- Chăn nuôi gia cầm và sản xuất giống gia cầm, gia cầm thương phẩm;
- Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi;
- Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến;
- Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt;
- Giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Chế biến rau, củ, quả;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành chăn nuôi. Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành chăn nuôi;
- Kinh doanh trung tâm thương mại và dịch vụ, kinh doanh cơ sở hạ tầng và địa ốc, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà kho;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2025, tình hình chăn nuôi của Công ty đối mặt với rất nhiều khó khăn, bệnh dịch tả heo Châu Phi diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình chăn nuôi heo của đơn vị. Ngoài ra, các loại nguyên liệu, vật tư, chi phí thuốc sát trùng cho việc đề phòng chống dịch bệnh tăng cao hơn so với các năm đã gây áp lực lên chi phí và làm giảm lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, nguồn cung cấp heo giống nuôi thịt và heo hậu bị để tái đàn khan hiếm và chưa đảm bảo an toàn khó kiểm soát được dịch bệnh

Thực trạng trên đã ảnh hưởng trực tiếp làm giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ của heo thịt thương phẩm, dẫn đến doanh thu năm 2025 giảm 30,8 tỷ VND (tương ứng giảm 30,52%) so với năm trước. Đồng thời, giá vốn hàng bán giảm 31,428 tỷ VND (tương ứng giảm 30,51%) so với năm trước. Trong khi đó Chi phí quản lý tăng 510,3 triệu VND (tương ứng tăng 13,74%) và chi phí khác tăng 214,7 triệu so với năm trước, những điều này làm cho lợi nhuận trước thuế của công ty giảm 439,9 triệu (tương ứng 36,78%) so với năm trước

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3, Ấp Tân Hợp, xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phụng Vỹ, xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Trung Tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, xã Tân An, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
Xưởng chế biến thực phẩm	Số 238, Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn gia súc

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao	

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Giá trị đàn heo cơ bản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, Công ty ước tính thời gian phân bổ là 04 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí trích trước tiền điện và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động chăn nuôi và mức thuế suất TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty tập trung hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh heo và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	460.681.581	116.035.529
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.662.283.109	1.918.448.393
	<u>2.122.964.690</u>	<u>2.034.483.922</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	127.000.000.000	-	144.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	127.000.000.000	-	144.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 - 12 tháng có giá trị 127.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,2%/năm đến 6,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.030.000.000	-	1.030.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000.000	-	1.030.000.000	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa trên sàn UPCoM tại ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	1,00%	Thương mại - dịch vụ

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Túc Hưng	180.000.000	(180.000.000)	180.000.000	(180.000.000)
	<u>180.000.000</u>	<u>(180.000.000)</u>	<u>180.000.000</u>	<u>(180.000.000)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Dinh dưỡng Á Châu	-	-	222.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	8.962.008	-	11.174.686	-
	<u>8.962.008</u>	<u>-</u>	<u>233.674.686</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi	1.240.216.441	-	1.413.324.658	-
	<u>1.240.216.441</u>	<u>-</u>	<u>1.413.324.658</u>	<u>-</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Giá trị đàn heo cơ bản	7.620.985.430	188.781.764
Chi phí thuê đất (*)	3.948.555.128	4.061.804.852
	11.569.540.558	4.250.586.616

(*) Công ty thuê đất tại địa chỉ Khu 3A xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTLĐ/2014 ngày 08/03/2014 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai và Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 01/PLHĐTLĐ/2018 ngày 01/03/2018 để làm trại chăn nuôi heo, diện tích thuê là 84.892,3 m2, thời gian thuê từ tháng 01/2018 đến ngày 28/02/2061. Công ty trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên khác				
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Rico Đồng Nai	347.956.000	347.956.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	-	-	286.039.000	286.039.000
Công ty TNHH SunJin Vina	28.283.185	28.283.185	-	-
Công ty TNHH Thu Lộc	-	-	181.181.581	181.181.581
Phải trả người bán khác	-	-	69.942.098	69.942.098
	376.239.185	376.239.185	537.162.679	537.162.679

Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai
Số 238 Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số được miễn giảm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	58.088.288	22.181.818	-	-	78.270.106	-	-	-	-	2.000.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	500.386.944	-	-	186.062.364	-	-	-	-	314.324.580	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	42.089.141	238.818.030	-	-	217.793.488	-	-	-	-	63.113.683
Thuế Tài nguyên	-	-	-	2.067.800	-	-	2.067.800	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	2.673.178.871	(1.566.431.328)	-	1.367.819.431	-	261.071.888	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-	-	-	-
	500.386.944	100.177.429	100.177.429	3.125.308.883	(1.566.431.328)	1.668.950.825	1.668.950.825	575.396.468	65.113.683			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	131.127.910	33.585.926
	131.127.910	33.585.926

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	68.155.072	67.911.072
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.378.106	42.840.000
	137.533.178	110.751.072

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2024	102.639.420.000	61.772.095.217	6.297.925.195	170.709.440.412			
Lãi trong năm trước	-	-	964.968.421	964.968.421			964.968.421
Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2023	-	9.764.127	(9.764.127)	-			-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(5.272.030.810)	(5.272.030.810)			(5.272.030.810)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	(1.016.130.258)	(1.016.130.258)			(1.016.130.258)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2024	-	-	(219.000.000)	(219.000.000)			(219.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	102.639.420.000	61.781.859.344	745.968.421	165.167.247.765			
Số dư tại ngày 01/01/2025	102.639.420.000	61.781.859.344	745.968.421	165.167.247.765			
Lãi trong năm nay	-	-	570.249.457	570.249.457			570.249.457
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 ⁽¹⁾	-	-	(507.975.000)	(507.975.000)			(507.975.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	102.639.420.000	61.781.859.344	808.242.878	165.229.522.222			

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ %
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2024	964.968.421	100
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát (đã chi trả trong năm 2024)	219.000.000	22,70
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	507.975.000	52,64
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	237.993.421	24,66

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	84,32	86.541.420.000	84,32	86.541.420.000
Các cổ đông khác	15,68	16.098.000.000	15,68	16.098.000.000
	100	102.639.420.000	100	102.639.420.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	102.639.420.000	102.639.420.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	102.639.420.000	102.639.420.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	3.079.182.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	-	1.016.130.258
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	1.016.130.258
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(4.095.312.858)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	(4.095.312.858)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.263.942	10.263.942
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.263.942	10.263.942
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	61.781.859.344	61.781.859.344
	61.781.859.344	61.781.859.344

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai với diện tích 16.867,7 m² để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc từ năm 2009 đến năm 2046. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ xã Tân An, tỉnh Đồng Nai với diện tích 191.283,4 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2009 đến năm 2051. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất và thuê hạ tầng tại phân khu 3A, xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích 84.892,3 m² để sử dụng với mục đích làm trại chăn nuôi heo từ năm 2014 đến năm 2061. Theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	840,80	325,54
Đồng Euro (EUR)	75,35	75,35

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	70.995.892.832	101.797.735.573
	70.995.892.832	101.797.735.573

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	71.551.909.072	102.980.014.016
	71.551.909.072	102.980.014.016

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.720.487.189	5.246.390.833
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	40.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	993.023	991.945
	5.751.480.212	5.287.382.778

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)

	30.000.000	40.000.000
--	-------------------	-------------------

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	22.000
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(243.000.000)
	-	(242.978.000)

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.528.000	9.732.034
Chi phí nhân công	2.450.520.108	1.140.184.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.029.154	232.769.568
Thuế, phí, và lệ phí	1.064.690.675	1.765.759.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.403.214	522.607.853
Chi phí khác bằng tiền	39.100.000	42.954.450

	4.224.271.151	3.714.007.697
--	----------------------	----------------------

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)

	22.250.000	-
--	-------------------	----------

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	562.342.241
Thu nhập khác	-	500
	-	562.342.741

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và ban điều hành	204.000.000	-
Chi phí thẩm định để thanh lý chuồng heo	10.881.000	-
Chi phí khác	-	165.482
	214.881.000	165.482

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	756.311.821	1.196.251.897
Các khoản điều chỉnh tăng	204.000.000	165.482
- Chi phí không hợp lệ	-	165.482
- Thu lao hội đồng Quản trị không tham gia điều hành	204.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.000.000)	(40.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(30.000.000)	(40.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	930.311.821	1.156.417.379
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	(4.791.168.391)	(4.333.943.399)
- Thu nhập khác không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	5.721.480.212	5.490.360.778
Chi phí thuế TNDN hiện hành	186.062.364	231.283.476
- Chi phí thuế TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 15%)	-	-
- Chi phí thuế TNDN không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (Thuế suất 20%)	186.062.364	231.283.476
Chi phí thuế TNDN hiện hành	186.062.364	231.283.476
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(500.386.944)	(706.188.289)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(25.482.131)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(314.324.580)	(500.386.944)

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	570.249.457	964.968.421
Các khoản điều chỉnh	-	(726.975.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(507.975.000)
- Thu lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	(219.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	570.249.457	237.993.421
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.263.942	10.263.942
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	56	23

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.745.157.656	50.797.022.261
Chi phí nhân công	9.261.167.287	9.559.812.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.468.925.141	6.731.200.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.631.306.105	2.786.456.639
Chi phí khác bằng tiền	3.040.820.034	2.559.147.335
	88.147.376.223	72.433.639.320

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền	1.662.283.109	-	-	1.662.283.109
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.240.216.441	-	-	1.240.216.441
Các khoản cho vay	127.000.000.000	-	-	127.000.000.000
	129.902.499.550	-	-	129.902.499.550
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	1.918.448.393	-	-	1.918.448.393
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.413.324.658	-	-	1.413.324.658
Các khoản cho vay	144.000.000.000	-	-	144.000.000.000
	147.331.773.051	-	-	147.331.773.051

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	513.772.363	-	-	513.772.363
Chi phí phải trả	131.127.910	-	-	131.127.910
	644.900.273	-	-	644.900.273
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	647.913.751	-	-	647.913.751
Chi phí phải trả	33.585.926	-	-	33.585.926
	681.499.677	-	-	681.499.677

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Thọ Vực	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	Cùng công ty mẹ
Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Đinh Văn Hồng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Nguyễn Diên Trường	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 19/02/2024)
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT/Phó giám đốc kỹ thuật
Ông Đinh Ngọc Mến	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc
Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Hoàng Ngọc Long	Kế toán trưởng
Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hoà	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 26/06/2025)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.250.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	22.250.000	-
Chia cổ tức	-	856.760.058
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	856.760.058
Nhận cổ tức	30.000.000	40.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	30.000.000	40.000.000

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch HĐQT	27.000.000	-
Ông Trần Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	115.533.000	560.568.308
Ông Đinh Văn Hồng	Thành viên HĐQT	45.200.000	83.400.000
Ông Nguyễn Diên Tường	Thành viên HĐQT	12.000.000	314.626.985
Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT	60.200.000	92.516.775
Ông Trương Tấn Cường	Thành viên HĐQT	327.116.280	-
Ông Nguyễn Sỹ Sinh	Thành viên HĐQT	466.808.000	491.343.000
Ông Đinh Ngọc Mến	P.Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	526.818.923	527.237.154
Ông Hoàng Ngọc Long	Kế toán trưởng	351.167.077	401.249.538
Bà Phan Thị Hiền Nhi	Trưởng Ban Kiểm Soát	261.048.231	262.219.538
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	51.800.000	67.800.000
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban kiểm soát	33.800.000	54.800.000
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Trần Thị Thuý Huyền
 Người lập


Hoàng Ngọc Long
 Kế toán trưởng


Đinh Ngọc Mến
 Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Đinh Ngọc Mến